

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phan Duy Tùng
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Phan Duy Tùng
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phan Duy Tùng

Mã sinh viên: 1412401103

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo
Lâm DV

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Phan Duy Tùng

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2020

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT' Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Văn Thụ**
Đơn vị công tác: **Khoa Quản trị kinh doanh**
Họ và tên sinh viên: **Phan Duy Tùng** Chuyên ngành: **Kế toán - Kiểm toán**
Đề tài tốt nghiệp: **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV**
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên **Phan Duy Tùng** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 12 năm 2018). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 03 tháng 01 năm 2020

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 Những vấn đề chung về hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	3
1.1.2.1 Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.....	3
1.1.2.2 Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại	4
1.1.2.3 Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ	4
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.....	5
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ. 5	
1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ... 6	
1.1.4. Phân loại và đánh giá giá trị của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	6
1.1.4.1. Phân loại hàng hóa	6
1.1.4.2. Đánh giá giá trị của hàng hóa.....	7
1.2 Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	12
1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	12
1.2.1.1. Phương pháp ghi thẻ song song.....	12
1.2.1.2. Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.....	14
1.2.1.3. Phương pháp ghi sổ số dư	15
1.2.3: Kế toán tổng hợp tình hình biến động tăng, giảm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.....	17
1.2.3.1 Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
1.2.3.2 Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kiểm kê định kỳ	21
1.3 . Kế toán dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	24
1.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ theo Thông tư 133/TT-BTC.....	26

1.4.1. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký chung	27
1.4.2. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	27
1.4.3. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức Chứng từ ghi sổ	28
1.4.4. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán trên máy vi tính	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI	
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV	31
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.	31
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	33
2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.	33
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV ...	35
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán	35
2.1.5.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.	37
2.1.5.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	37
2.1.5.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán	37
2.1.5.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán	39
2.2 Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	39
2.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	39
2.2.1.1. Thủ tục nhập, xuất kho trong công tác kế toán tại Công ty	39
2.2.1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.	51
2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	63
CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG	
TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV	69
3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	69
3.1.1 Ưu điểm	70
3.1.2 Nhược điểm	72
3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	73
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, trước xu hướng hội nhập và phát triển của kinh tế thế giới, Việt Nam đã mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Việc này tạo ra cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường cũng như đặt ra những thách thức đối với doanh nghiệp. Để tồn tại được và ổn định trên thị trường thì đòi hỏi các doanh nghiệp phải nâng cao tính tự chủ, năng động để tìm ra phương thức thức kinh doanh có hiệu quả và tiết kiệm chi phí để đem lại lợi ích cao để từ đó mới có đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV cũng như các doanh nghiệp thương mại khác xác định rõ được nhiệm vụ chính của mình là thực hiện tổ chức “Thu mua và tiêu thụ hàng hóa”, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao trong tiêu dùng xã hội. Công tác kế toán hàng hóa do đó cũng đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Từ kế toán hàng mua, thủ kho đến kế toán hàng bán đều phải có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo ra một hệ thống quản lý có hiệu quả để mang lại kết quả hoạt động tốt nhất cho công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán hàng hóa, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV, em đã có cơ hội được tìm hiểu về hệ thống quản lý nói chung và hệ thống kế toán nói riêng của công ty, các phần hành kế toán và các phương pháp kế toán mà công ty đang áp dụng cũng như các mặt hàng mà công ty đang buôn bán. Và được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các cô, chú, anh chị trong công ty và đặc biệt là phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn của *Ths. Nguyễn Văn Thụ*, em đã lựa chọn đề tài “***Hoàn thiện công tác kế toán hàng hoá tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV***” cho đề tài tốt nghiệp của mình.

Nội dung khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

Chương II: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

Qua quá trình nghiên cứu mặc dù đã cố gắng hết mình, nhưng với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế nên những vấn đề em tìm hiểu và trình bày trong bài khóa luận này còn thiếu sót. Vì vậy em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo và các cán bộ kế toán của công ty nhằm giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Đồng thời cũng giúp em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình và phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán sau này.

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ****1.1 Những vấn đề chung về hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ*****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp.***

Trong nền kinh tế hiện nay, sự cạnh tranh thị trường của các doanh nghiệp đang diễn ra hết sức gay gắt. Hoạt động kinh doanh thương mại diễn ra theo tiêu chí T-H-T. Nói cách khác, nó bao gồm hai giai đoạn mua và bán hàng hóa.

Để quản lý một cách tốt nhất đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, không phân biệt thành phần kinh tế, lĩnh vực hoạt động hay hình thức sở hữu nào đều phải sử dụng đồng thời hàng loạt các công cụ quản lý khác nhau. Trong đó, kế toán được coi là công cụ hữu hiệu và quan trọng nhất. Và để điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh thương mại của mình, các công ty cần tổ chức công tác kế toán hàng hóa như một công cụ đắc lực để hỗ trợ điều đó.

Đối với doanh nghiệp thương mại, hàng hóa chiếm tỉ trọng khá lớn trong cơ cấu tài sản lưu động của doanh nghiệp, là một khâu trong quá trình luân chuyển vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Giá trị hàng hóa tồn kho cho thấy tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp có bị ứ đọng hay không? Do vậy, hàng hóa cũng như mọi tài sản khác cần quản lý chặt chẽ để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.***1.1.2.1 Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại***

Hàng hóa là đối tượng kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại, là đối tượng được doanh nghiệp thương mại mua vào để bán ra với mục đích kiếm lời.

Hàng hóa đa dạng và nhiều chủng loại khác nhau và thường xuyên biến động trong quá trình kinh doanh nên cần theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

1.1.2.2 Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại

Hàng hóa được biểu hiện trên hai mặt giá trị và số lượng. Số lượng của hàng hóa được xác định bằng đơn vị đo lường phù hợp với tính chất hóa học và lý học của nó như kg, lít, mét,...., nó phản ánh quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thương mại. Chất lượng hàng hóa được xác định bằng tỷ lệ phần trăm tốt, xấu và giá trị phẩm cấp của hàng hóa.

Hàng hóa trong kinh doanh thương mại thường được phân loại theo các ngành hàng như:

- + Hàng vật tư thiết bị
- + Hàng công nghệ phẩm tiêu dùng
- + Hàng lương thực thực phẩm

Tổng hợp các hoạt động thuộc quá trình mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hóa trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại được gọi là lưu chuyển hàng hóa. Quá trình bán hàng trong doanh nghiệp được thực hiện theo 2 phương thức:

+ Bán buôn: đặc trưng của bán buôn là bán với số lượng lớn, khi chấm dứt quá trình mua, bán thì hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng mà phần lớn hàng hóa vẫn còn trong lĩnh vực lưu thông.

+ Bán lẻ: đặc trưng của bán lẻ hàng hóa là bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, kết thúc quá trình bán lẻ thì hàng hóa đã vào lĩnh vực tiêu dùng.

Trong các doanh nghiệp thương mại vốn hàng hóa là vốn chủ yếu nhất và nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, chiếm một khối lượng công việc rất lớn. Quản lý hàng hóa là nội dung quản lý quan trọng hàng đầu trong các doanh nghiệp thương mại. Vì vậy việc tổ chức công tác lưu chuyển hàng hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp.

1.1.2.3 Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

Trong doanh nghiệp thương mại, hàng hóa là bộ phận của hàng tồn kho, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần phải theo dõi, quản lý thường xuyên.

Kế toán hàng hoá là công cụ quan trọng và không thể thiếu của quản lý hàng hoá cả về mặt hiện vật và giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hoá trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại từ đó làm tăng lợi nhuận của Công ty.

Việc tập trung quản lý một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu, từ thu mua dự trữ đến tiêu thụ, trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại giá cả... là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, xác định giá vốn hàng bán, giá bán hàng hoá, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển ngày một đa dạng, các loại hình doanh nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp thương mại muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải làm ăn có hiệu quả. Một trong những giải pháp tối ưu cho vấn đề này là doanh nghiệp phải chú ý tới công tác quản lý hàng hóa sao cho đạt hiệu quả tốt nhất.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của hàng hóa đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu:

- Khâu thu mua: Phải quản lý về chất lượng, số lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí mua. Đảm bảo thực hiện thu mua theo kế hoạch, phù hợp với nhu cầu của xã hội.

- Khâu bảo quản: Phải tổ chức tốt kho hàng, bền bỉ thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại hàng hóa tránh hư hỏng, mất mát.

- Khâu dự trữ: Đảm bảo kết cấu dự trữ hợp lý, phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại hàng hóa đảm bảo đáp ứng được cung - cầu thị trường đồng thời tránh ứ đọng vốn do dự trữ quá lớn.

Tóm lại, quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản, vận chuyển và dự trữ là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý tài sản ở doanh nghiệp.

1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp, đầy đủ số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập-xuất-tồn kho hàng hóa.

- Tính giá thành thực tế hàng hóa đã thu mua nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa về mặt số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp kỹ thuật hạch toán hàng hóa, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận, từ trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về hàng hóa (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ) mở các sổ... thực hiện các chế độ phương pháp quy định nhằm đảm bảo sử dụng thống nhất trong các chế độ phương pháp quy định nhằm đảm bảo sử dụng thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện cho các công tác lãnh đạo, chủ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ ngành kinh tế quốc dân.

- Tham gia kiểm kê đánh giá hàng hóa theo chế độ Nhà nước quy định lập báo cáo tình hình nhập - xuất - tồn hàng hóa để phục vụ công tác quản lý.

- Tiến hành phân tích kinh tế, tình hình cung cấp, tiêu thụ hàng hóa để tăng cường quản lý hàng hóa một cách hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, để đạt được mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.1.4. Phân loại và đánh giá giá trị của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

1.1.4.1. Phân loại hàng hóa

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hoá được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng có nhiều mặt hàng, mỗi mặt hàng lại có giá cả khác nhau. Hàng hoá gồm có các ngành hàng:

- ✓ Phân loại hàng hóa theo vật tư, thiết bị, công nghệ phẩm tiêu dùng:
 - Hàng kim khí điện máy
 - Hàng hoá chất mỡ
 - Hàng xăng dầu;
 - Hàng dệt may, bông vải sợi;
 - Hàng da cao su;
 - Hàng gốm sứ, thủy tinh ;
 - Hàng mây, tre đan;
 - Hàng rượu bia, thuốc lá;
- ✓ Phân loại hàng hóa theo khâu lưu thông thì hàng hoá được chia thành:
 - Hàng hoá ở khâu bán buôn;
 - Hàng hoá ở khâu bán lẻ;
- ✓ Phân loại hàng hóa theo phương thức vận động của hàng hoá:
 - Hàng hoá chuyển qua kho;
 - Hàng hoá chuyển giao bán thẳng;
- ✓ Phân loại hàng hóa theo nguồn gốc sản xuất thì hàng hóa được chia thành:
 - Ngành hàng nông sản;
 - Ngành hàng lâm sản;
 - Ngành hàng thủy sản;

Việc phân loại và xác định những hàng nào thuộc hàng hóa của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tình hình tài chính và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy, việc phân loại hàng hóa là cần thiết và quan trọng đối với doanh nghiệp.

1.1.4.2. Đánh giá giá trị của hàng hóa

a, Tính giá hàng hóa nhập kho

Giá trị của hàng hoá được xác định theo giá gốc. Việc xác định giá gốc của hàng hoá trong các trường hợp cụ thể khác nhau tùy theo nguồn gốc hình thành, giá gốc của hàng hoá nhập trong kỳ được tính như sau:

- ✓ Đối với hàng hóa mua ngoài:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá mua} + \text{Chi phí khác liên quan} + \text{Các khoản thuế không được hoàn lại} - \text{Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại}$$

Giá mua ghi trên hóa đơn: Là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán ghi trên hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua hàng hóa là tổng thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ).

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng hóa, hao hụt trong định mức cho phép, công tác chi phí của bộ phận thu mua,...

Chiết khấu thương mại (CKTM): Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách,... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

✓ Đối với hàng hóa do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá xuất kho để gia công, chế biến} + \text{Chi phí gia công, chế biến}$$

✓ Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá xuất kho đem thuê ngoài gia công, chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển bốc xếp đem đi gia công, chế biến} + \text{Chi phí thuê ngoài chế biến}$$

✓ Đối với hàng hóa được biếu tặng: Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

- Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa:

Toàn bộ chi phí thu mua hàng hóa phải được tính toán phân bổ cho hàng hóa đã bán và hàng tồn kho chưa bán được vào lúc cuối kỳ. Khi doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho bằng phương pháp kê khai thường xuyên thì hàng ngày khi xuất kho hàng hóa để bán, kế toán sẽ tính toán và ghi chép vào các tài khoản có liên quan theo chỉ tiêu giá mua hàng hóa. Đến cuối kỳ, trước khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ để tính giá vốn của hàng hóa đã bán và hàng hóa chưa bán trong kỳ.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp, nhưng phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

Ta có thể vận dụng một trong những cách tính toán sau đây:

+ Phân bổ theo giá trị thu mua:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân bổ} \\ \text{cho hàng xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phân bổ cho hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng nhập trong} \\ \text{kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{bán trong} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này có tính chính xác cao, thích hợp trong trường hợp nhập hàng có chênh lệch giá trị lớn, nhưng tính toán phức tạp trong trường hợp số lượng nhập xuất lớn

+ Phân bổ theo số lượng:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân bổ} \\ \text{cho hàng xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phân bổ cho hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn} \\ \text{bán trong kỳ đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{bán trong} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này tính toán dễ dàng nhưng cho kết quả mang tính chất tương đối vì chỉ phụ thuộc vào số lượng hàng nhập.

b, Tính giá hàng hóa xuất kho

Theo chuẩn mực kế toán hàng hóa, hàng hóa xuất kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp giá đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

+ *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)*

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- **Ưu điểm:** phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm cho phép kế toán có thể tính giá hàng hóa xuất kho kịp thời.

- **Nhược điểm:** phương pháp này làm doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại.

- **Điều kiện áp dụng:** Áp dụng đối với doanh nghiệp có số lần nhập-xuất ít chủng loại hàng hóa ít, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất.

+ *Phương pháp tính giá bình quân*

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ, giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng hóa khi nhập, xuất kho.

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} \times \text{Đơn giá}$$

Đơn giá bình quân có thể xác định vào thời điểm cuối kỳ trong từng lần nhập. Đơn giá được xác định như sau:

- **Theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:** Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính giá vốn hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp mà áp dụng tồn kho đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản khối lượng tính toán ít chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm : Độ chính xác không cao, công tác kế toán dồn vào cuối kỳ, làm ảnh hưởng đến tiến độ của các phần khác. Chưa đáp ứng được thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Điều kiện áp dụng: Có thể áp dụng được cho tất cả các loại hình doanh nghiệp.

- **Theo phương pháp bình quân liên hoàn:** sau mỗi lần nhập sản phẩm, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa những lần nhập tiếp để tính giá xuất theo công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

Nhược điểm: việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức.

Điều kiện áp dụng: do đặc điểm trên phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất giá ít, giá hàng hóa ít biến động.

+ Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ứng đúng theo giá trị thực tế của nó.

- **Ưu điểm:** phương pháp đơn giản, dễ tính toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng hóa được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- **Nhược điểm:** không phù hợp với doanh nghiệp có nhiều loại hàng.

- **Điều kiện áp dụng:** phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp mà giá trị hàng tồn kho lớn, mặt hàng ổn định và mang tính chất đơn chiếc có thể theo dõi riêng và nhận diện từng lô hàng.

1.2 Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.**1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Kế toán hàng hóa phải đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị và hiện vật theo từng thứ, từng loại, quy cách hàng hóa theo từng địa điểm quản lý và sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp, đúng cả về giá trị và hiện vật giữa thực tế về hàng hóa với sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

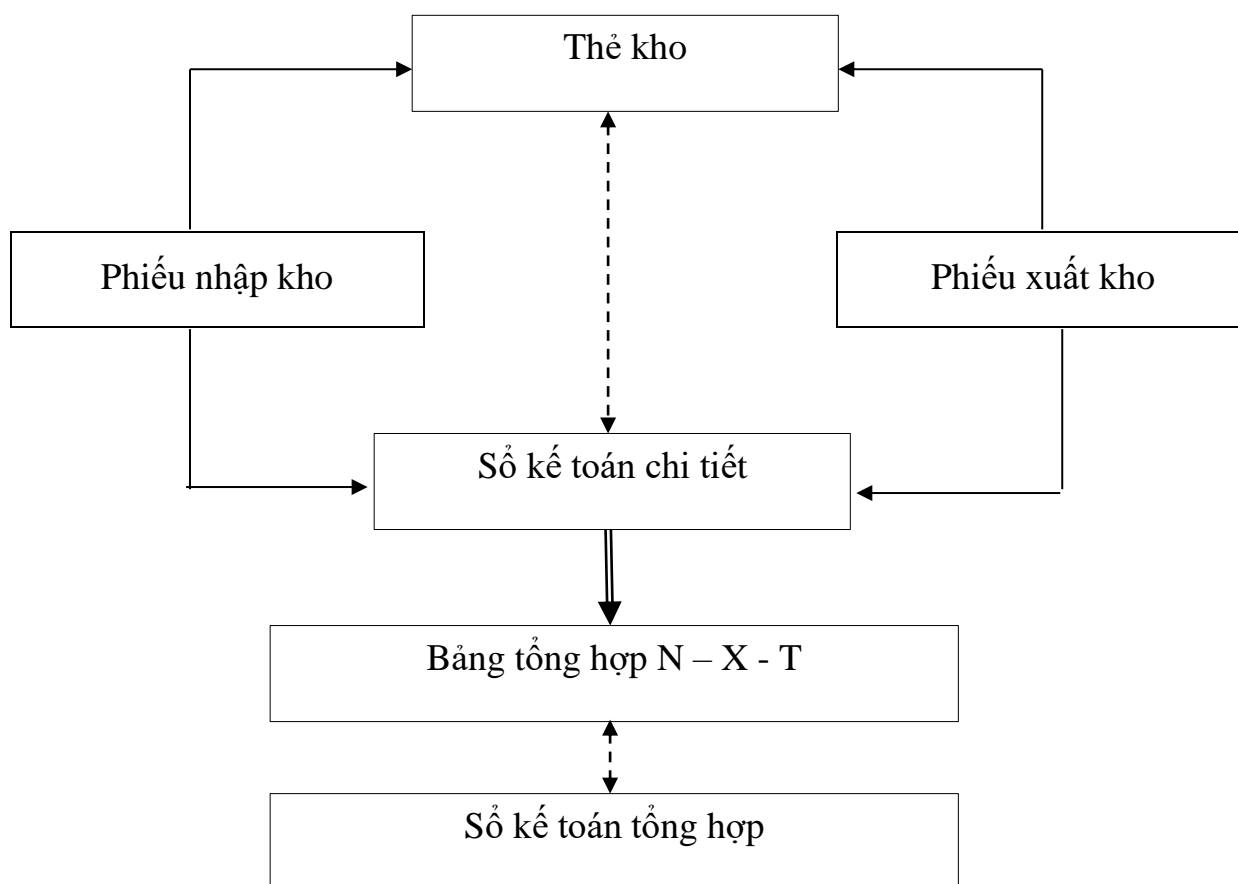
Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong 3 phương pháp kế toán chi tiết sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

1.2.1.1. Phương pháp ghi thẻ song song

+ **Ở kho:** Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất hàng hóa ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn hàng hóa thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

+ **Ở phòng kế toán:** Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm hàng hóa tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán hàng hóa phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết hàng hóa có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ hàng hóa rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp hàng hóa. Trình tự ghi sổ theo phương pháp ghi thẻ song song như sau:



Ghi chú

Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow
 Đối chiếu: \longleftarrow

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song

+ **Ưu điểm:** Phương pháp thẻ song song đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị

hàng tồn kho. Hiện nay, phương pháp này được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp

+ **Nhược điểm:** Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

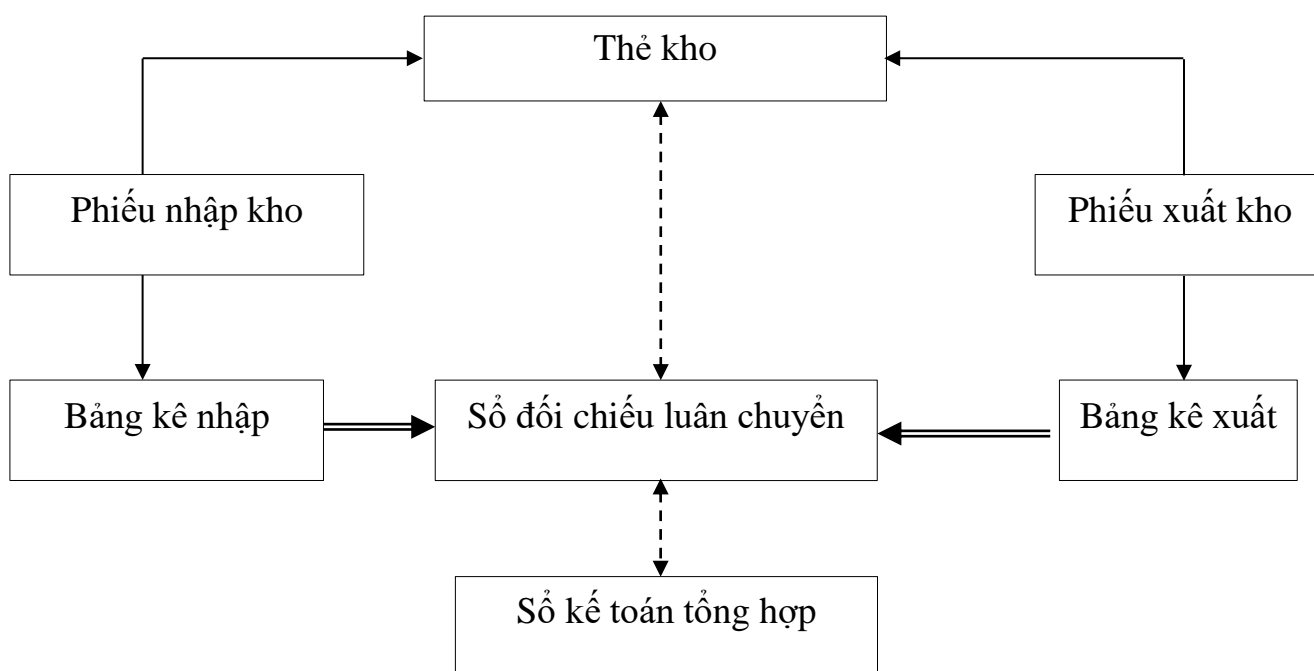
+ **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, khối lượng các nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao.

1.2.1.2. Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

+ **Ở kho:** Theo phương pháp này thì việc của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán:

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập – xuất – kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn thiện chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng hàng hóa, chứng từ nhập riêng, hoặc kế toán có thể lập lại bảng kê nhập, bảng kê xuất. Cuối tháng, tổng hợp số liệu các chứng từ (hoặc bảng kê) để ghi vào “sổ sổ chiếu luân chuyển” cột luân chuyển và tính ra tồn cuối tháng. Đồng thời kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với số liệu trên thẻ kho và trên sổ kế toán tài chính (nếu cần). Trình tự được ghi sổ khái quát như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
 Đối chiếu: $\longleftarrow\text{---}\longrightarrow$

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số chiếu luân chuyển

+ **Ưu điểm:** phương pháp này đơn giản, để thực hiện số khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt vì chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

+ **Nhược điểm:** Có sự trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán. Khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối tháng quá nhiều nên ảnh hưởng tới tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng khác nhau.

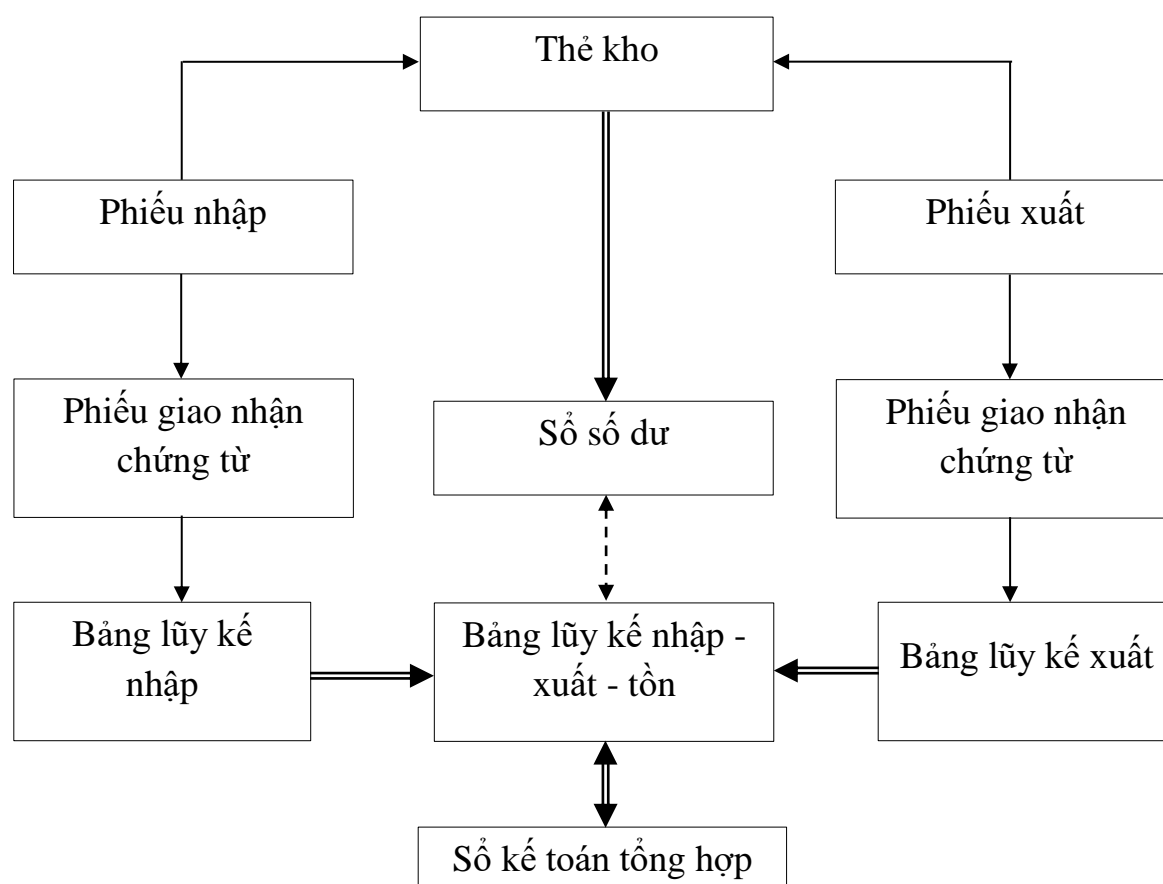
+ **Điều kiện áp dụng:** thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng ngày. Phương pháp này thường ít được sử dụng trong thực tế.

1.2.1.3. Phương pháp ghi sổ số dư

+ **Ở kho:** : Ngoài việc sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự hai phương pháp trên, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng thứ vật tư, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng (SL). Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, mở theo năm. Cuối mỗi tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ các thẻ kho. Trên sổ số dư hàng hoá được sắp xếp theo thứ, nhóm, loại. Mỗi nhóm có dòng cộng nhóm, mỗi loại có dòng cộng loại.

+ **Ở phòng kế toán:** Định kỳ nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau khi kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ rồi mang chứng từ về phòng kế toán. Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị (giá hạch toán) của hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng nhập, xuất để ghi vào cột “thành tiền” của phiếu giao nhận chứng từ. Số liệu thành tiền trên phiếu giao

nhận chứng từ nhập (xuất) hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng được ghi vào bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất vật tư, hàng hoá. Các bảng này mở theo từng kho hoặc nhiều kho (nếu các kho được chuyên môn hoá). Cuối tháng, cộng số liệu trên bảng lũy kế nhập, bảng lũy kế xuất hàng hoá để ghi vào các phần nhập, xuất trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho rồi tính ra số tồn kho cuối tháng của từng nhóm, loại hàng tồn kho và ghi vào cột “Tồn kho cuối tháng” của bảng kê này. Số liệu trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho còn được sử dụng để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp liên quan.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
- Đối chiếu hàng ngày: \longleftrightarrow
- Đối chiếu cuối tháng: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi số số dư

+ **Ưu điểm:** trong điều kiện thực tế kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là hữu hiệu: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản lý được hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng đảm bảo cung cấp số liệu được chính xác và kịp thời, nâng cao trình độ kế toán.

+ **Nhược điểm:** không theo dõi được chi tiết đến từng loại hàng hóa, phải căn cứ vào thẻ kho mới có được số liệu về tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại hàng hóa.

+ **Điều kiện áp dụng:** thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên, doanh nghiệp xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống điểm danh hàng hóa hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

1.2.3: Kế toán tổng hợp tình hình biến động tăng, giảm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Hạch toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa là ghi chép biến động về mặt giá trị của hàng hóa trên các sổ kế toán tổng hợp.

Trong hệ thống kế toán hiện hành, hàng hóa thuộc nhóm hàng tồn kho. Do vậy tình hình hiện có và biến động của hàng hóa phụ thuộc vào doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3.1 Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của hàng hóa. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh, đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

Công thức tính giá hàng tồn kho:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn kho cuối} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{hóa nhập} & - & \text{xuất bán} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Tuy hạch toán phức tạp, tốn thời gian và phải ghi chép nhiều nhưng phương pháp này cung cấp thông tin về hàng hoá một cách kịp thời.

• ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTK3/001)
- Biên bản kiểm kê hàng hoá.
- Một số giấy tờ liên quan khác

• ***Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 156 – Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

Kết cấu tài khoản 156

Bên Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- Chi phí thu mua hàng hóa;

- Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công (gồm giá mua vào và chi phí gia công);

- Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại;

- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê;

- Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư sang;

- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị hạch toán phụ thuộc; thuê ngoài gia công hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;

- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ;

- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng;

- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng;

- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán;

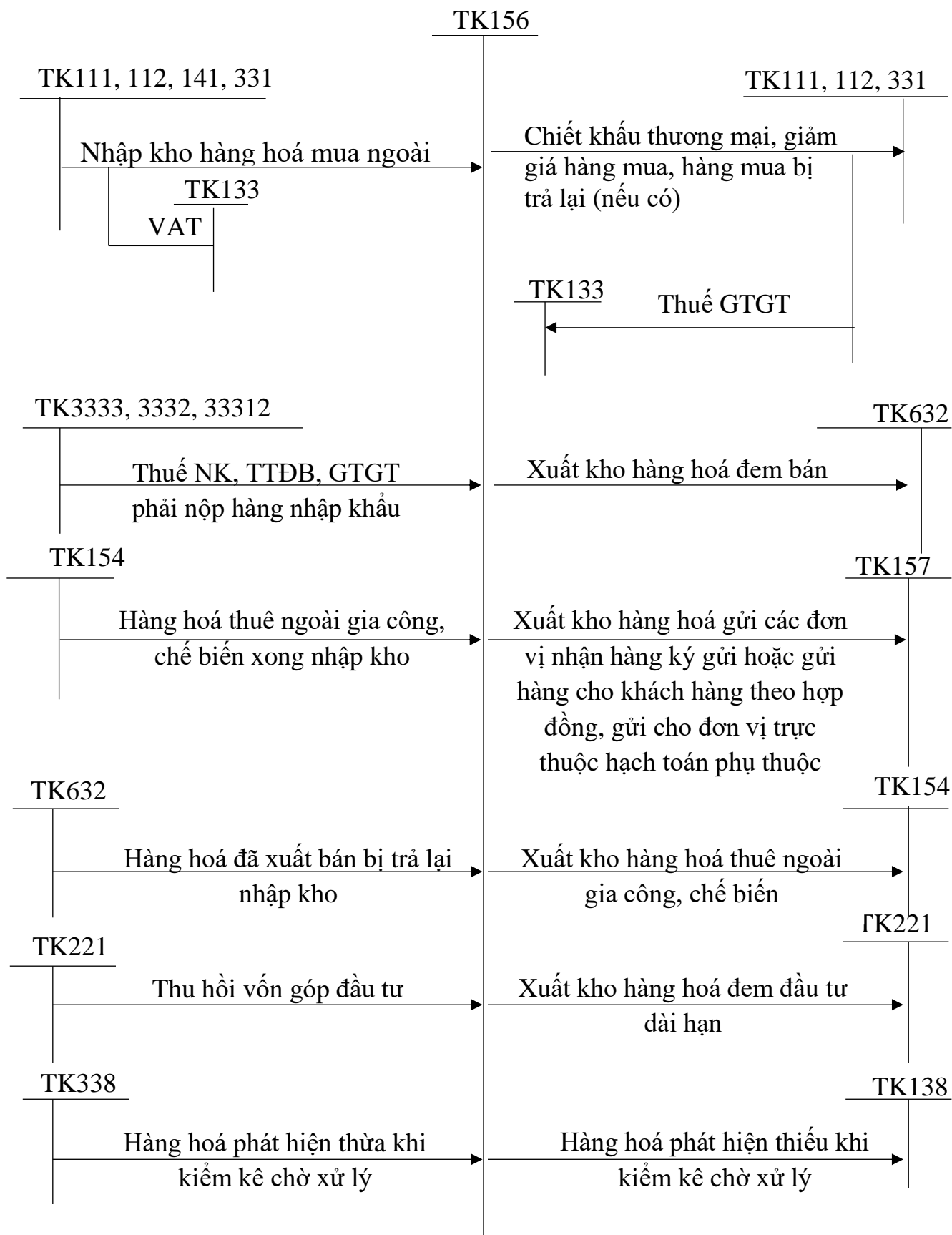
- Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê;

- Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định;

- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Giá gốc của hàng hóa tồn kho.

- ***Trình tự hạch toán***



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.3.2 Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho trong} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{hàng nhập kho} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên Tài khoản 611 “Mua hàng”.

- Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá hàng hóa tồn kho thực tế, trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của Tài khoản 611 “Mua hàng”. Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ...). Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bên bãi.

- **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 611 – mua hàng: Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

Nguyên tắc hạch toán quá trình luân chuyển trên TK 611- mua hàng được quy định:

+ Hàng hóa mua nhập kho vào theo các mục đích nhập đều căn cứ vào chứng từ đề ghi cập nhật vào TK 611

+ Hàng xuất cho các mục đích được ghi một lần vào ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê đánh giá hàng tồn (tồn kho, tồn quầy, tồn đại lý, tồn gửi bán, ...)

+ Hàng tồn kiểm kê sẽ được trị giá theo phương pháp thích hợp được lựa chọn áp dụng tại đơn vị hạch toán trên cơ sở quy định chung.

Kết cấu, nội dung phản ánh trên TK 611- Mua hàng:

Bên Nợ:

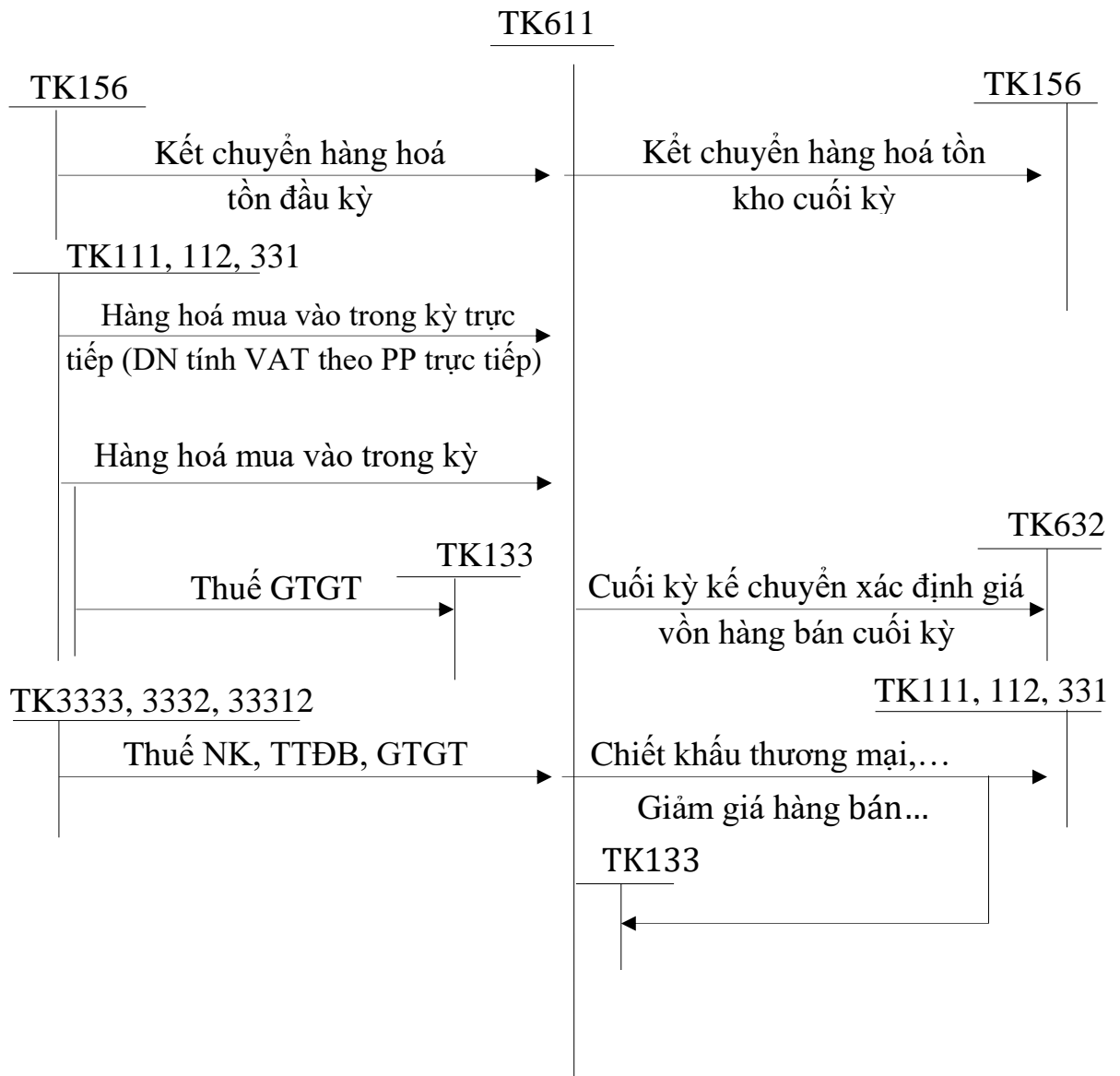
- Kết chuyển giá gốc hàng hóa tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);
- Giá gốc hàng hóa mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê);
- Giá gốc hàng hóa xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán và hàng hóa gửi đi bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ);
- Giá gốc hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

- ***Trình tự hạch toán***



Sơ đồ 1.5 Sơ đồ kế toán tổng quát hàng hoá theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3 . Kế toán dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

❖ Nguyên tắc kế toán dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hoá là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá hàng hoá tồn kho bị giảm.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng hoá.

+ Thời điểm lập

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng hoá được thực hiện ở thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính

+ Đối tượng lập

Hàng hoá để bán mà giá trị trên thực tế nhỏ hơn giá trị đang hạch toán trên sổ kế toán

+ Điều kiện lập

- Hàng hoá tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thị trường nhỏ hơn giá ghi sổ kế toán.

- Hàng hoá là mặt hàng kinh doanh, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp

- Có chứng từ, hoá đơn hợp lý, hợp lệ hoặc các chứng từ khác chứng minh giá vốn hàng hoá tồn kho.

+ Phương pháp xác định mức dự phòng

Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng hoá tồn kho thực tế của hàng hoá để xác định mức dự phòng.

Xác định mức dự phòng theo công thức:

Mức dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho	=	Lượng hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá gốc hàng hóa tồn kho theo sổ kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa tồn kho
---	----------	---	----------	---	----------	---

- Giá thực tế trên thị trường của hàng hoá bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua bán được trên thị trường.

- Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hoá bị giảm giá và tổng hợp bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho của doanh nghiệp.

Riêng dịch vụ cung cấp đỡ đang, việc lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt

❖ *Tài khoản và chứng từ sử dụng*

+ Tài khoản 229.4: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có:

- Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

+ *Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.

- Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.

- Bảng tổng hợp mức lập dự phòng

- Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.

❖ *Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

a) Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229.4- Dự phòng tổn thất tài sản

b, Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phân chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229.4-Dự phòng giảm giá HTK (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK156.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

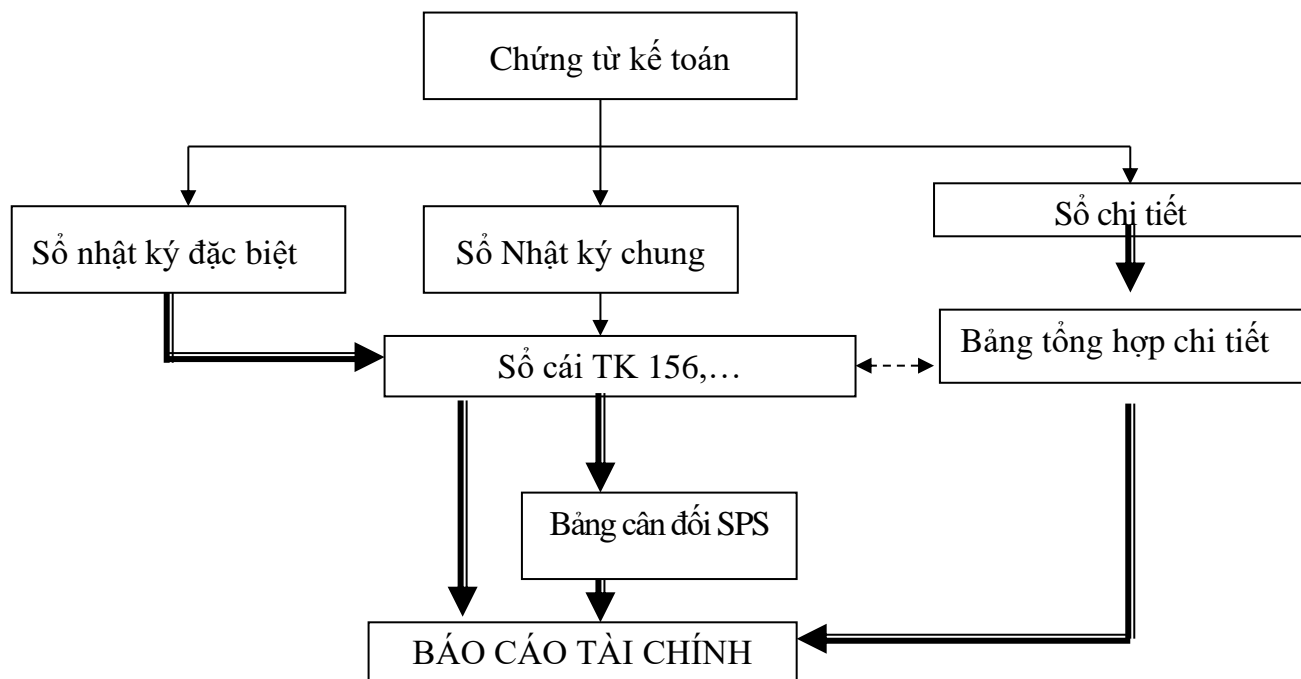
1.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ theo Thông tư 133/TT-BTC.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 133 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.4.1. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

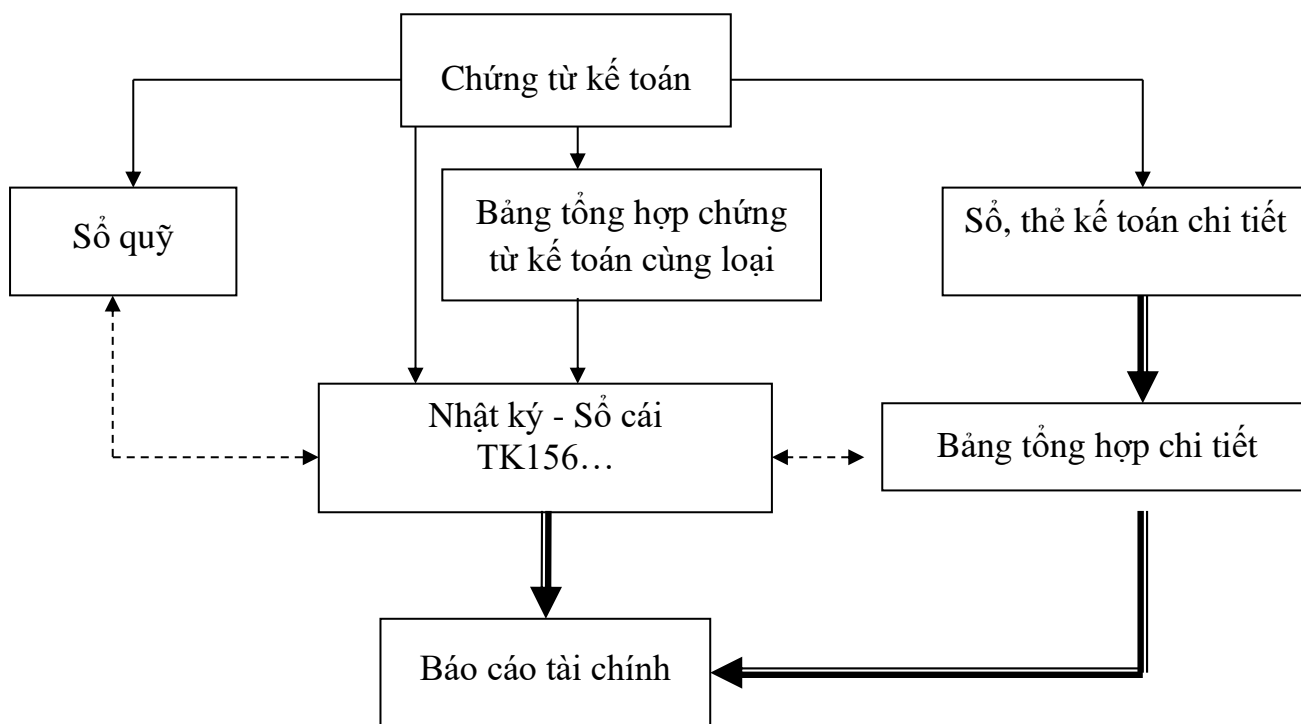
- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.4.2 Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký số cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Nhật ký - Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- > Đối chiếu

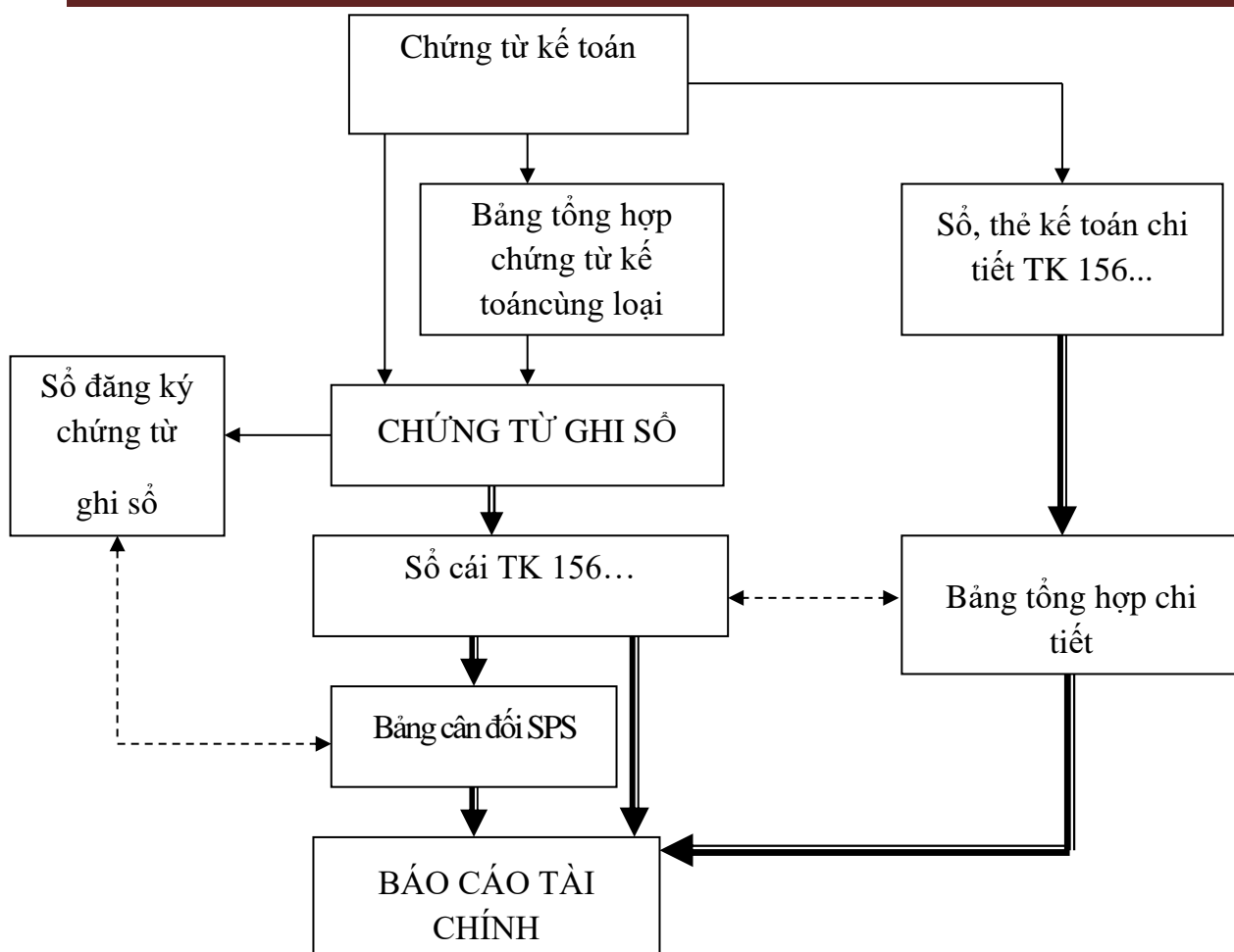
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.4.3. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



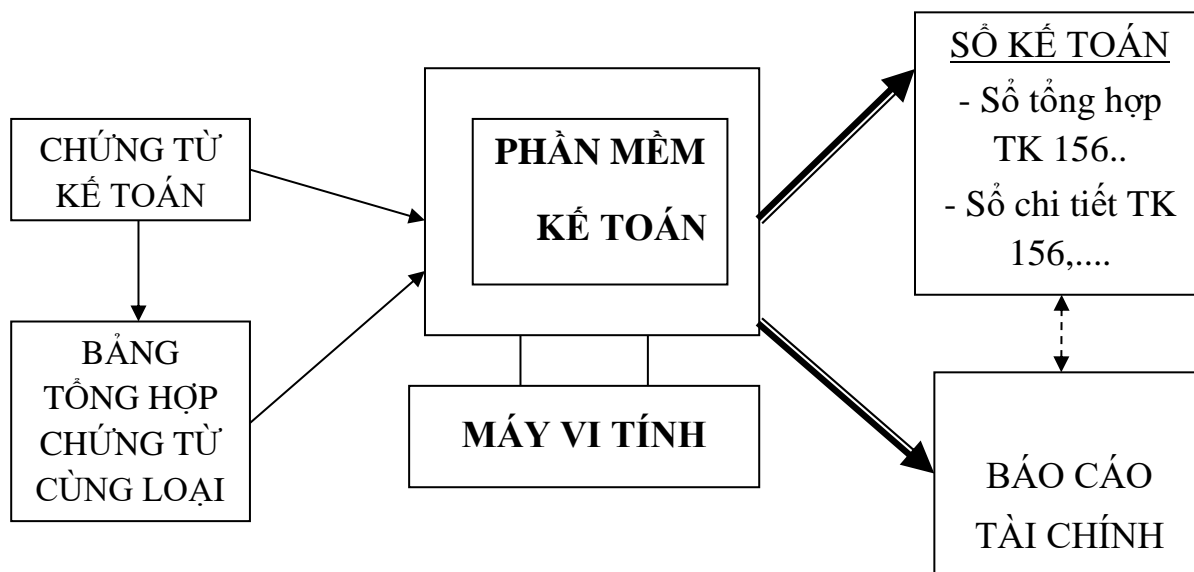
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.4.4. Đặc điểm kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-.-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

Tên giao dịch: BAO LAM DV .,JSC

Loại hình hoạt động: Công ty Cổ Phần

Mã số thuế: [5701781199](#)

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 4C, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Đại diện pháp luật: Đinh Văn Toàn

Ngày cấp giấy phép: 22/10/2015

Ngày hoạt động: 22/10/2015 (Đã hoạt động 4 năm)

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV được thành lập ngày 22/10/2015, là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực buôn bán vật liệu xây dựng. Trải qua 4 năm hoạt động, bất chấp mọi khó khăn cũng như sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực kinh doanh, công ty Cổ phần Bảo Lâm DV đang ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững hơn. Có được sự phát triển đó chính là nhờ vào sự đồng lòng nhất trí cao giữa ban lãnh đạo công ty với đội ngũ nhân viên có trình độ, năng động, nhiệt huyết, quyết tâm đưa công ty vượt qua được mọi khó khăn. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của tỉnh và đất nước.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

Công ty kinh doanh các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị	C33120
2	Sửa chữa thiết bị điện	C33140
3	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	C33150

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Sửa chữa thiết bị khác	C33190
5	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	C33200
6	Xây dựng nhà các loại	F41000
7	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	F4210
8	Xây dựng công trình công ích	F42200
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	F42900
10	Phá dỡ	F43110
11	Chuẩn bị mặt bằng	F43120
12	Lắp đặt hệ thống điện	F43210
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	F4322
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	F43290
15	Hoàn thiện công trình xây dựng	F43300
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	F43900
17	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	G45200
18	Đại lý, môi giới, đấu giá	G4610
19	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	G4649
20	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	G4662
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	G4663 (Chính)
22	Bán buôn tổng hợp	G46900
23	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	H4931
24	Vận tải hành khách đường bộ khác	H4932
25	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933

STT	Tên ngành	Mã ngành
26	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	H5011
27	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	H5012
28	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	H5021
29	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	H5022
30	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	G4752

2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

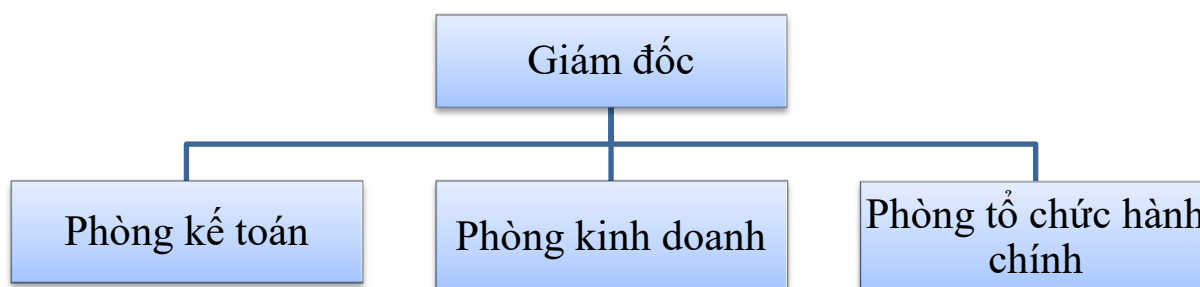
Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV là một tế bào trong nền kinh tế thị trường, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và được pháp luật bảo vệ. Chức năng, nhiệm vụ của công ty gồm:

- Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại ngân hàng.
- Tổ chức, sắp xếp, điều hành, quản lý mọi hoạt động của công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh.
- Tổ chức, điều hành, thực hiện các kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo ngành nghề ghi trên giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty
- Nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật trong khi hoạt động.
- Xây dựng kế hoạch, công việc cụ thể theo thời gian về mọi hoạt động của công ty.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng luật kế toán, chuẩn mực kế toán.

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

Để phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm và

quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

❖ **Giám đốc:**

+ Chịu trách nhiệm, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

+ Được quyền thay thế hoặc miễn nhiệm những cán bộ hoặc người lao động khi xét thấy họ không đảm đương được nhiệm vụ được giao.

❖ **Phòng Kế toán:**

+ Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lý nguồn thu, chi

❖ **Phòng Kinh doanh:**

- + Giúp giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, trực tiếp tổ chức khai thác nguồn hàng, tham gia kinh doanh mua bán hàng hóa.
- + Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo hợp đồng kinh tế, thực hiện các hợp đồng mua bán.
- + Có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược quảng cáo, xúc tiến bán hàng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, đưa ra ý kiến đề xuất phát hiện những vấn đề chưa hợp lý, đồng thời tìm kiếm các đơn đặt hàng.

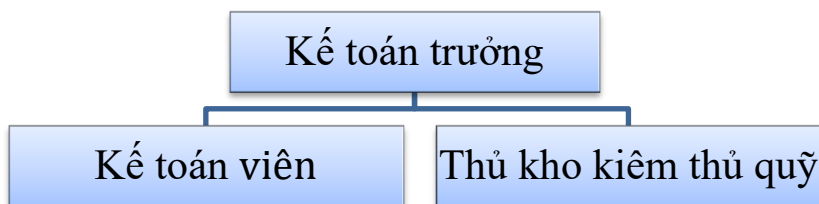
❖ **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

- + Quản lý về tổ chức hành chính tại công ty. Ban hành chính giúp giám đốc quản lý nhân sự văn phòng, tổ chức thực hiện hướng dẫn chính sách của người lao động và đường lối của Đảng, Nhà nước.
- + Xây dựng kế hoạch về nhân sự trong từng thời kỳ

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV**2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng .

Hiện nay phòng kế toán của Công ty có 3 nhân viên: Kế toán trưởng, kế toán viên, thủ kho kiêm thủ quỹ. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

❖ Kế toán trưởng:

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ Kế toán viên:

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý kinh tế tài chính. Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán. Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

- Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập phiếu chi. Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài. Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

- Kết hợp với thủ quỹ thực hiện nghiệp vụ thu chi theo quy định.

❖ Thủ kho kiêm thủ quỹ:

+ Chịu trách nhiệm thu, chi theo chứng từ gốc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, đảm bảo việc thu, chi tiền mặt theo chứng từ gốc, tồn quỹ tiền mặt, kết hợp sổ sách kế toán.

+ Tiền mặt tồn quỹ phải được sắp xếp theo loại giấy bạc và được kiểm lại cuối ngày. Khóa Sổ và niêm kết trước khi ra về.

+ Quản lý hàng hóa về mặt số lượng. Thực hiện nhập xuất hàng hóa.

2.1.5.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

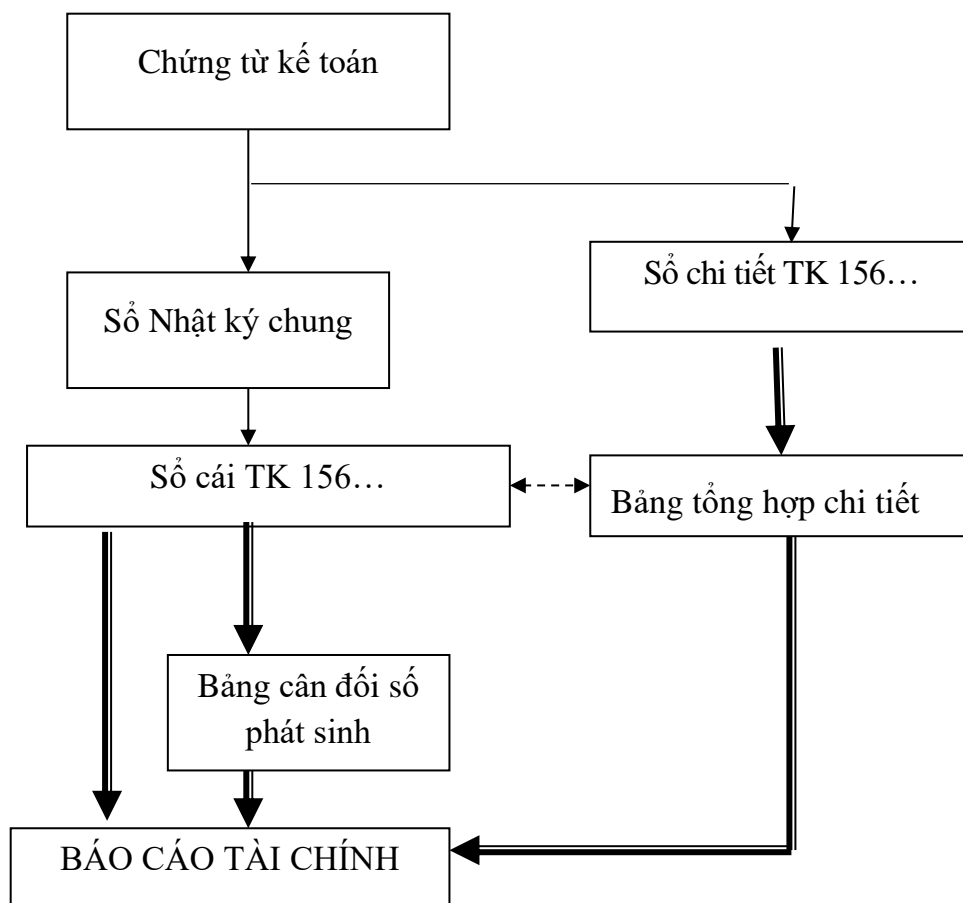
- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân cả kỳ dự trữ.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

2.1.5.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.5.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----→ Đối chiếu

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.5.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản.
- Báo cáo tình hình tài chính - Mẫu B01a- DNN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DNN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 – DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DNN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, báo cáo tình hình công nợ phải thu, phải trả...

2.2 Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

2.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

2.2.1.1. Thủ tục nhập, xuất kho trong công tác kế toán tại Công ty

a, Thủ tục nhập kho hàng hóa

Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế tại Công ty, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng hóa trong tuần hoặc trong tháng. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua hàng để giám đốc ký xét duyệt. Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán.

Hàng hóa mua về phải có hóa đơn và giấy báo nhận hàng. Căn cứ vào số liệu thực tế và hóa đơn bán hàng thông thường hoặc hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu nhập kho hàng hóa được kế toán lập thành 3 liên: Liên 1: Lưu tại cuống, Liên 2: Phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ, Liên 3: Thủ kho giữ để vào thẻ kho

Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kinh doanh cùng bộ phận kế toán để lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi

kiểm tra chỉ nhập kho số hàng hóa đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán. Cách tính giá hàng hoá nhập kho:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Hàng hóa mua về được giao tại kho công ty nên chi phí vận chuyển bốc xếp do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn chưa bao gồm thuế GTGT.

b, Thủ tục xuất kho hàng hóa

Hàng hoá bán ra sau khi được kiểm tra theo đúng các quy định kế toán sẽ bắt đầu tiến hành làm thủ tục xuất kho.

Khách hàng đến mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán. Kế toán theo dõi hàng hóa kiểm tra xem hàng hoá có đủ không và tiến hành lập phiếu xuất kho để xuất hàng cho khách hàng.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên: Liên 1: Lưu tại cuống, Liên 2: Lưu tại phòng kế toán, Liên 3: Chuyển cho thủ kho

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hoá. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt) và biên bản giao nhận hàng hoá. Nhân viên giao nhận hàng hoá nhận hàng và chứng từ gồm: Hoá đơn GTGT và biên bản giao nhận hàng hoá giao cho người mua. (công ty vận chuyển hoặc khách hàng tự vận chuyển).

- Cách tính giá hàng xuất kho

Do hàng hoá chính trong công ty nhiều chủng loại và giá cả cũng tương đối ổn định nên kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để tính giá hàng hoá xuất kho. Hàng hoá xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} \times \text{Đơn giá}$$

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa trong kỳ}}$$

Công ty tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên trên phiếu xuất kho chỉ ghi số lượng không ghi số tiền. Cuối tháng, công ty mới tiến hành tổng hợp trên sổ chi tiết hàng hóa để tính đơn giá bình quân cho cả tháng và trị giá hàng hóa xuất kho trong tháng.

Ví dụ 1: Ngày 02/01/2018, Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV mua xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả theo hóa đơn số 0000011, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 81.000.000 đồng, bên bán giao tại kho cho công ty, Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi tại ngân hàng Vietcombank - Quảng Ninh.

Giá thực tế của hàng hóa nhập kho là: 81.000.000, đồng


Thủ tục nhập kho hàng đối với ví dụ trên tại Công ty như sau:

- + Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, phòng kinh doanh lập kế hoạch mua hàng hoá.
- + Sau khi tham khảo bảng báo giá của các bên đối tác, ông Đinh Đức Linh - nhân viên phòng kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký duyệt.
- + Sau khi thông qua quyết định mua hàng, giám đốc sẽ trực tiếp ký hợp đồng mua bán.
- + Sau đó, ông Đinh Đức Linh đi mua xi măng (hoá đơn 0000011 của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả). Ông Đinh Đức Linh cùng với bên bán giao hàng cho thủ kho là bà Hoàng Thu Huyền.
- + Tại kho, bà Hoàng Thu Huyền - Thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá nếu đảm bảo thì tiến hành nhập hàng vào kho.
- + Tại phòng kế toán, kế toán kho kiểm tra tính hợp pháp của hoá đơn GTGT số 0000011 (biểu số 2.1), biên bản giao nhận hàng hoá (biểu số 2.3) và lập phiếu nhập kho (biểu số 2.4).

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: QN/18P			
Ngày 02 tháng 01 năm 2018		Số: 0000011			
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẨM PHẢ Mã số thuế: 5700804196 Địa chỉ: Km 6, Quốc lộ 18A, Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh. Điện thoại: (0203)3721995 - Fax: (0203)3714605 Số tài khoản: 0531 0099 445 4 – Vietcombank – Cẩm Phả– Quảng Ninh</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Đình Đức Linh Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV Mã số thuế: 5701781199 Địa chỉ: Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh Hình thức thanh toán: CK, Số TK: 0531 0099 9171 – Vietcombank – Quảng Ninh</p>					
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Xi măng PC	Bao	400	68.000	27.200.000
2	Xi măng PCB 40	Bao	400	70.000	28.000.000
3	Xi măng lò cao	Bao	200	72.000	14.400.000
4	Xi măng đa dụng	Bao	150	76.000	11.400.000
Cộng tiền hàng					81.000.000
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 8.100.000
Tổng cộng tiền thanh toán					89.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng chẵn .					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<p>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</p> <p>(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)</p>					

Biểu 2.2: Giấy báo nợ

	Số: 04
	Mã GDV: PHUUDTQTO
GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 594547
02/01/2018	
Kính gửi: Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV	
Mã số thuế: 5701781199	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Nợ: 0531 0099 917 1	
Số tiền bằng số: 89.100.000 đồng	
Số tiền bằng chữ: <i>Tám mươi chín triệu một trăm nghìn đồng chẵn./</i>	
Nội dung: <i>## Trả tiền mua Xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả ##</i>	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.3: Biên bản giao nhận hàng hóa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2018, Chúng tôi gồm :

Bên A (Bên giao hàng): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẨM PHẢ

Mã số thuế: 5700804196

Địa chỉ: Km 6, Quốc lộ 18A, Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Điện thoại: (0203)3721995 - Fax: (0203)3714605

Số tài khoản: 0531 0099 445 4 – Vietcombank – Cẩm Phả– Quảng Ninh

Đại diện : Ông Nhữ Trọng Bách – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Bên B (Bên nhận hàng): CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV

Mã số thuế: 5701781199

Địa chỉ: Tô 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 0531 0099 917 1 –

Vietcombank – Quảng Ninh

Đại diện: ông Đinh Đức Linh – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản giao thực tế số lượng, chủng loại hàng hóa cụ thể như sau:

STT	Tên và quy cách sản phẩm	ĐVT	Số lượng
1	Xi măng PC	Bao	400
2	Xi măng PCB 40	Bao	400
3	Xi măng lò cao	Bao	200
4	Xi măng đa dụng	Bao	150

Kèm theo chứng từ : Hóa đơn GTGT số **0000011**

Biên bản kết thúc vào hồi 9h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên. Biên bản được thành lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 01 năm 2018

Số: 04

Nợ: 156 81.000.000

Có: 112 81.000.000

Họ và tên người giao: Nhữ Trọng Bách –Phòng kinh doanh

Theo: HĐ GTGT số: 0000011 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả

Nhập tại kho: Kho công ty

T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Xi măng Cẩm Phả PC	XMPC	Bao	400	400	68.000	27.200.000
2	Xi măng Cẩm Phả PCB 40	XMPC30	Bao	400	400	70.000	28.000.000
3	Xi măng Cẩm Phả lò cao	XMLC	Bao	200	200	72.000	14.400.000
4	Xi măng Cẩm Phả đa dụng	XMDD	Bao	150	150	76.000	11.400.000
Cộng tiền hàng							81.000.000

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Tám mươi một triệu đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:** Hóa đơn GTGT 0000011, BB giao nhận hàng hóa

Ngày 02 tháng 01 năm 2018

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Ví dụ 2: Ngày 03/01/2018 Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV xuất bán xi măng cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 54.600.000 đồng, Công ty chưa thu tiền.

+ Cách xác định đơn giá Xi măng Cẩm Phả PC xuất kho như sau:

Trị giá Xi măng PC tồn đầu tháng 01/2018 là 41.600.000 đồng, số lượng hàng tồn là 640 bao.

Số xi măng PC nhập trong tháng 01/2018 là: 3.360 bao, trị giá: 228.480.000 đồng.

Vậy đơn giá Xi măng PC xuất kho bình quân tháng 01/2018 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{41.600.000 + 228.480.000}{640 + 3.360} = 67.520$$

Đến cuối tháng 1/2018, kế toán công ty tính được trị giá xi măng Cẩm Phả PC xuất kho trong tháng 1/2018: $3.420 \times 67.520 = 230.918.400$, đồng

+ Cách xác định đơn giá Xi măng Cẩm Phả PCB 40 xuất kho như sau:

Trị giá Xi măng Cẩm Phả PCB 40 tồn đầu tháng 01/2018 là 17.340.000 đồng, số lượng hàng tồn là 255 bao.

Số xi măng Cẩm Phả PCB 40 nhập trong tháng 01/2018 là: 4.745 bao, trị giá nhập kho: 332.150.000 đồng.

Vậy đơn giá Xi măng Cẩm Phả PCB 40 xuất kho bình quân tháng 01/2018 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{17.340.000 + 332.150.000}{255 + 4.745} = 69.898$$

Đến cuối tháng 1/2018, kế toán công ty tính được trị giá xi măng Cẩm Phả PCB 40 xuất kho trong tháng 1/2018: $4.250 \times 69.898 = 297.066.500$, đồng

Thủ tục xuất kho ví dụ trên tại công ty Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV như sau:

- Sau khi nhận được đơn hàng của Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà, ông Đinh Đức Linh chuyển đơn hàng sang phòng kế toán.

- Kế toán theo dõi hàng hóa kiểm tra lại lượng hàng hoá thực tế trong kho và lập phiếu xuất kho (biểu số 2.5).

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu tại cuống

+ Liên 2: Lưu tại phòng kế toán

+ Liên 3: Thủ kho giữ

- Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho là bà Hoàng Thu Huyền tiến hành xuất kho.

Kế toán theo phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT số 0000104, sau đó đưa giám đốc ký duyệt. Hàng hóa và chứng từ được giao cho ông Đinh Đức Linh để chuyển cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà.

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 3 tháng 01 năm 2018

Số: 09

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Đinh Đức Linh

Địa chỉ: Nhân viên phòng kinh doanh

Lý do xuất: Xuất bán cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà

Xuất tại kho: Công ty

T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng PC	XMPC	Bao	450	450		
2	Xi măng PCB 40	XMPC30	Bao	300	300		
	Cộng						

- Số chứng từ gốc kèm theo: Biên bản giao nhận và hóa đơn GTGT số 0104

Ngày 03 tháng 01 năm 2018

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.6: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: HM/18P			
Ngày 03 tháng 01 năm 2018		Số: 0000104			
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV					
Mã số thuế: 5701781199					
Địa chỉ: Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh					
Điện thoại: 0203 756 538					
Số tài khoản: Số tài khoản: 0531 0099 917 1 – Vietcombank – Quảng Ninh					
Họ tên người mua hàng: Vũ Kim Hải					
Tên đơn vị: Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà					
Mã số thuế: 5701634209					
Địa chỉ: số 96 Cao Thắng, Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán: CK, Số tài khoản: 0531 094 3331 – Vietcombank, Quảng Ninh					
S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Xi măng PC	Bao	450	72.000	32.400.000
2	Xi măng PCB 40	Bao	300	74.000	22.200.000
Cộng tiền hàng					54.600.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		5.460.000
Tổng cộng tiền thanh toán					60.060.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu mươi triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn .</i>					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.7: Biên bản giao nhận hàng hóa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2018, Chúng tôi gồm :

Bên A (Bên giao hàng): Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

Mã số thuế: 5701781199

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 0531 0099 917 1 –
Vietcombank – Quảng Ninh

Đại diện: ông Đinh Đức Linh – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Bên B (Bên nhận hàng): Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà

Mã số thuế: 5701634209

Địa chỉ: số 96 Cao Thắng, Hạ Long, TP. Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, Số tài khoản: Số tài khoản: 0531 094 333
1 – Vietcombank – Quảng Ninh

Đại diện : Ông Vũ Kim Hải – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản giao thực tế số lượng, chủng loại hàng hóa cụ thể như sau :

STT	Tên và quy cách sản phẩm	Mã số	ĐVT	Số lượng
1	Xi măng PC	XMPC	Bao	450
2	Xi măng PCB 40	PC30	Bao	300

Kèm theo chứng từ : Hóa đơn GTGT số **0000104**, phiếu xuất kho số **09**

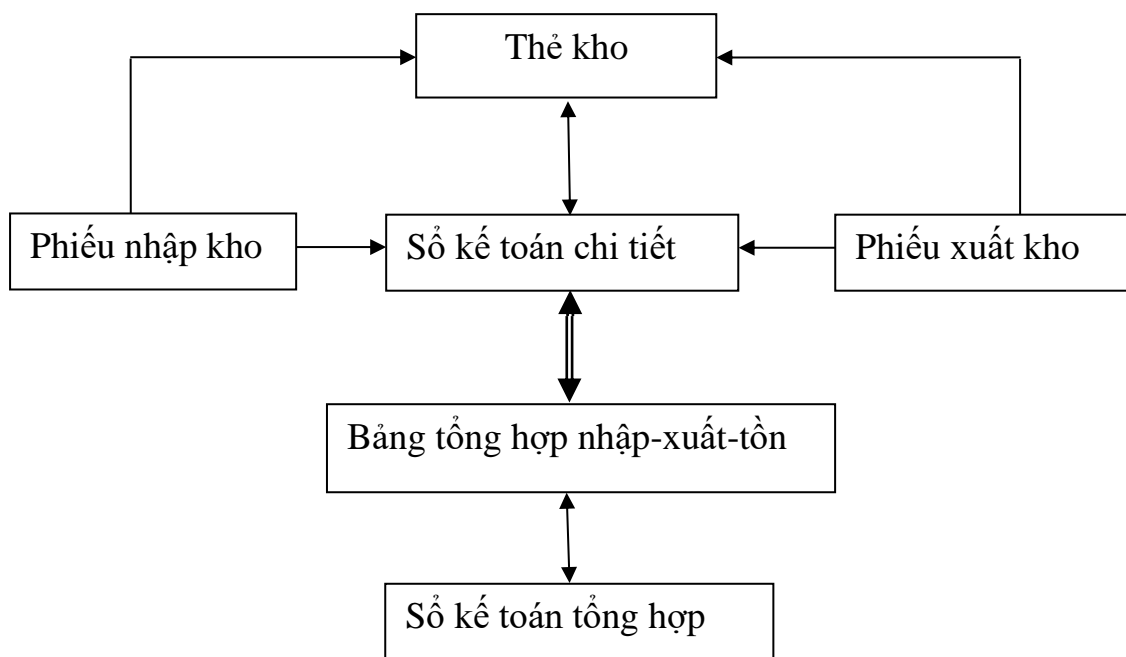
Biên bản kết thúc vào hồi 16h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên. Biên bản được thành lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

2.2.1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết hàng tồn kho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV đó là hình thức “Thẻ song song”. Phương pháp hạch toán hàng hóa là phương pháp kê thường xuyên. Dưới đây là sơ đồ phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày hoặc định kỳ: \longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow
 Ghi cuối kỳ: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4: Hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song

Tại kho: Thủ kho theo dõi lượng nhập, xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa sẵn sàng bán khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại hàng hóa vào Thẻ kho tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế số với số liệu trên thẻ kho.

$$\text{Số lượng tồn cuối kỳ} = \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập kho trong kỳ} - \text{Số lượng xuất trong kỳ}$$

Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở kho. Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập kho hàng hóa, kế toán kiểm tra đơn giá, thành tiền và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa theo dõi từng mặt hàng. Đối với chứng từ xuất, do Công ty tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên trên phiếu xuất kho chỉ ghi số lượng do vậy kế toán chỉ ghi vào sổ chi tiết số lượng xuất kho theo phiếu xuất.

Cuối tháng, kế toán cộng số liệu trên sổ chi tiết để tính giá bình quân của tháng và trị giá hàng xuất kho trong tháng. Cuối tháng, Kế toán cộng số lượng trên sổ chi tiết để đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về mặt số lượng. Căn cứ vào Bảng Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa, kế toán đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp (sổ cái TK 156).

+ **Tiếp theo ví dụ 1:** Ngày 02/01/2018 Công ty mua xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả theo hóa đơn số 0000011, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 81.000.000 đồng, bên bán giao tại kho cho công ty, Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi tại ngân hàng Vietcombank - Quảng Ninh.

- **Tại kho:** Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.8, biểu số 2.9, biểu số 2.10, , biểu số 2.11)

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK 156 theo dõi chi tiết cho từng loại hàng hóa (biểu số 2.12, biểu số 2.13, biểu số 2.14, biểu số 2.15). Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập sổ tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa (Biểu số 2.16)

+ **Tiếp theo ví dụ 2:** Ngày 03/01/2018 Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV xuất bán xi măng cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà, giá chưa có thuế GTGT 10%: 54.600.000 đồng, Công ty chưa thu tiền.

- **Tại kho:** Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.8, biểu số 2.9)

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán ghi chi tiết hàng tồn kho tiến hành ghi sổ chi tiết TK 156 theo dõi chi tiết cho từng loại hàng hóa (biểu số 2.12, biểu số 2.13). Do Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên trên

phiếu xuất chỉ ghi số lượng nên kế toán hàng hóa cũng chỉ ghi vào sổ chi tiết hàng hóa theo tiêu thức số lượng đến cuối tháng mới tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết hàng hóa để đơn giá bình quân xi măng Cẩm Phả PC và PCB 40 xuất kho trong tháng, từ đó xác định trị giá xi măng xuất kho trong tháng.

Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập sổ tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa (Biểu số 2.16)

Biểu số 2.8: Thẻ kho của mặt hàng Xi măng Cẩm Phả PC

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S12 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2018

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng Cẩm Phả PC

Đơn vị tính: Bao

TT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng 01				640
1	02/01	PN 04		Nhập Xi măng Cẩm Phả PC	02/01	400		1.040
2	03/01		PX 09	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả PC	03/01		450	590
				...				
6	07/01	PN 18		Nhập Xi măng Cẩm Phả PC	07/01	250		330
				...				
10	10/01	PN 22		Nhập Xi măng Cẩm Phả PC	10/01	200		200
				...				
13	11/01	PN 26		Nhập Xi măng Cẩm Phả PC	11/01	300		450
				..				
15	13/01	PN 29		Nhập Xi măng Cẩm Phả PC	13/01	120		150
				...				
				<u>Công phát sinh</u>		3.360	3.420	
				Tồn cuối tháng 01				580

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.9: Thẻ kho của mặt hàng Xi măng Cẩm Phả PCB 40

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S12 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2018

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng Cẩm Phả PCB 40

Đơn vị tính: Bao

TT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng 01				<u>225</u>
1	02/01	PN 04		Nhập Xi măng Cẩm Phả PCB 40	02/01	400		625
2	03/01		PX 09	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả PCB 40	03/01		300	325
				...				
6	07/01	PN 18		Nhập Xi măng Cẩm Phả PCB 40	07/01	300		380
				...				
9	10/01	PN 22		Nhập Xi măng Cẩm Phả PCB 40	10/01	400		710
				...				
11	11/01	PN 26		Nhập Xi măng Cẩm Phả PCB 40	11/01	150		430
				...				
				<u>Cộng phát sinh</u>		4.745	4.250	
				Tồn cuối tháng 01				<u>750</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.10: Thẻ kho của mặt hàng Xi măng Cẩm Phả lò cao

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S12 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2018

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng Cẩm Phả lò cao

Đơn vị tính: Bao

TT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<u>Tồn đầu tháng 01</u>				<u>460</u>
1	02/01	PN 04		Nhập Xi măng Cẩm Phả lò cao	02/01	200		660
2	06/01		PX 11	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả lò cao	06/01		250	410
				...				
13	11/01	PN 26		Nhập Xi măng Cẩm Phả lò cao	11/01	350		525
				..				
15	13/01	PN 29		Nhập Xi măng Cẩm Phả lò cao	13/01	170		250
				...				
				<u>Công phát sinh</u>		1.540	1.825	
				<u>Tồn cuối tháng 01</u>				<u>175</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.11: Thẻ kho của mặt hàng Xi măng Cẩm Phả đa dụng

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S12 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2018

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng Cẩm Phả đa dụng

Đơn vị tính: Bao

TT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng 01				400
1	02/01	PN 04		Nhập Xi măng Cẩm Phả đa dụng	02/01	150		550
2	06/01		PX 11	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả đa dụng	06/01		330	220
				...				
9	07/01	PN 18		Nhập Xi măng Cẩm Phả đa dụng	07/01	200		250
				..				
12	21/01	PN 31		Nhập Xi măng Cẩm Phả đa dụng	21/01	50		225
				...				
18	25/01	PN 35		Nhập Xi măng Cẩm Phả đa dụng	25/01	100		125
				...				
12	27/01	PN 40		Nhập Xi măng Cẩm Phả đa dụng	27/01	350		55
				...				
				Cộng phát sinh		1.200	1.250	
				Tồn cuối tháng 01				350

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.12 Sổ chi tiết hàng hóa Xi măng Cẩm Phả PC

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S06 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 01/2018

Tài khoản: 156- Hàng hóa

Đơn giá bình quân tháng 1: **67.520**,đồng/bao

Tên,quy cách hàng hóa: Xi măng Cẩm Phả PC,

Đơn vị tính:đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			Tồn đầu tháng 01		65.000					640	41.600.000
02/01	PN04	02/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả PC	112	68.000	400	27.200.000			1.040	
03/01	PX09	03/01	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả PC	632				450		590	
			...								
07/01	PN18	07/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả PC	331	68.000	250	17.000.000			330	
...							
			Cộng			3.360	228.480.000	3.420	230.918.400		
			Tồn cuối tháng 01		67.520					580	39.161.600

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.13 Sổ chi tiết hàng hóa Xi măng Cẩm Phả PCB 40

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S06 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 01/2018

Tài khoản: 156-Hàng hóa

Đơn giá bình quân tháng 1: **69.898**,đồng/bao

Tên,quy cách hàng hóa: Xi măng Cẩm Phả PCB 40,

Đơn vị tính:đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			Tồn đầu tháng 01		68.000					255	17.340.000
02/01	PN04	02/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả PCB 40	112	70.000	400	28.000.000			625	
03/01	PX09	03/01	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả PCB 40	632				300		325	
			...								
10/01	PN22	10/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả PCB 40	331	70.000	400	28.000.000			710	
			...								
			Cộng			4.745	332.150.000	4.250	297.066.500		
			Tồn cuối tháng 01		69.898					750	52.423.500

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.14 Sổ chi tiết hàng hóa Xi măng Cẩm Phả lò cao

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S06 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 01/2018

Tài khoản: 156-Hàng hóa

Đơn giá bình quân tháng 1: **71.540**,đồng/bao

Tên,quy cách hàng hóa: Xi măng Cẩm phả lò cao,

Đơn vị tính:đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			Tồn đầu tháng 01		70.000					460	32.200.000
02/01	PN04	02/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả lò cao	112	72.000	200	14.400.000			660	
06/01	PX11	06/01	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả lò cao	632				250		410	
			...								
13/01	PN29	13/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả lò cao	331	72.000	170	12.240.000			250	
			...								
			Cộng			1.540	110.880.000	1.825	130.560.500		
			Tồn cuối tháng 01		71.540					175	12.519.500

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.15 Sổ chi tiết hàng hóa Xi măng Cẩm Phả đa dụng

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S06 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 01/2018

Tài khoản: 156-Hàng hóa

Đơn giá bình quân tháng 1: **75.250**,đồng/bao

Tên,quy cách hàng hóa: Xi măng Cẩm Phả đa dụng,

Đơn vị tính:đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			<u>Tồn đầu tháng 01</u>		<u>73.000</u>					<u>400</u>	<u>29.200.000</u>
02/01	PN04	02/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả đa dụng	112	76.000	150	11.400.000			550	
06/01	PX11	06/01	Xuất kho Xi măng Cẩm Phả đa dụng	632				330		220	
			...								
07/01	PN18	07/01	Nhập kho Xi măng Cẩm Phả đa dụng	331	76.000	200	15.200.000			250	
			...								
			<u>Cộng</u>			<u>1.200</u>	<u>91.200.000</u>	<u>1.250</u>	<u>94.062.500</u>		
			<u>Tồn cuối tháng 01</u>		<u>75.250</u>					<u>350</u>	<u>26.337.500</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.16: Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S07 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN - KHO HÀNG HÓA

Tháng 01 năm 2018

Tên tài khoản: 156-Hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

T T	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Xi măng Cẩm Phả PC	Bao	640	41.600.000	3.360	228.480.000	3.420	230.918.400	580	39.161.600
2	Xi măng Cẩm Phả PCB 40	Bao	255	17.340.000	4.745	332.150.000	4.250	297.066.500	750	52.423.500
3	Xi măng Cẩm Phả lò cao	Bao	460	32.200.000	1.540	110.880.000	1.825	130.560.500	175	12.519.500
4	Xi măng Cẩm Phả đa dụng	Bao	400	29.200.000	1.200	91.200.000	1.250	94.062.500	350	26.337.500
								
	Cộng			1.891.882.540		2.106.628.400		1.932.993.462		2.065.517.478

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV

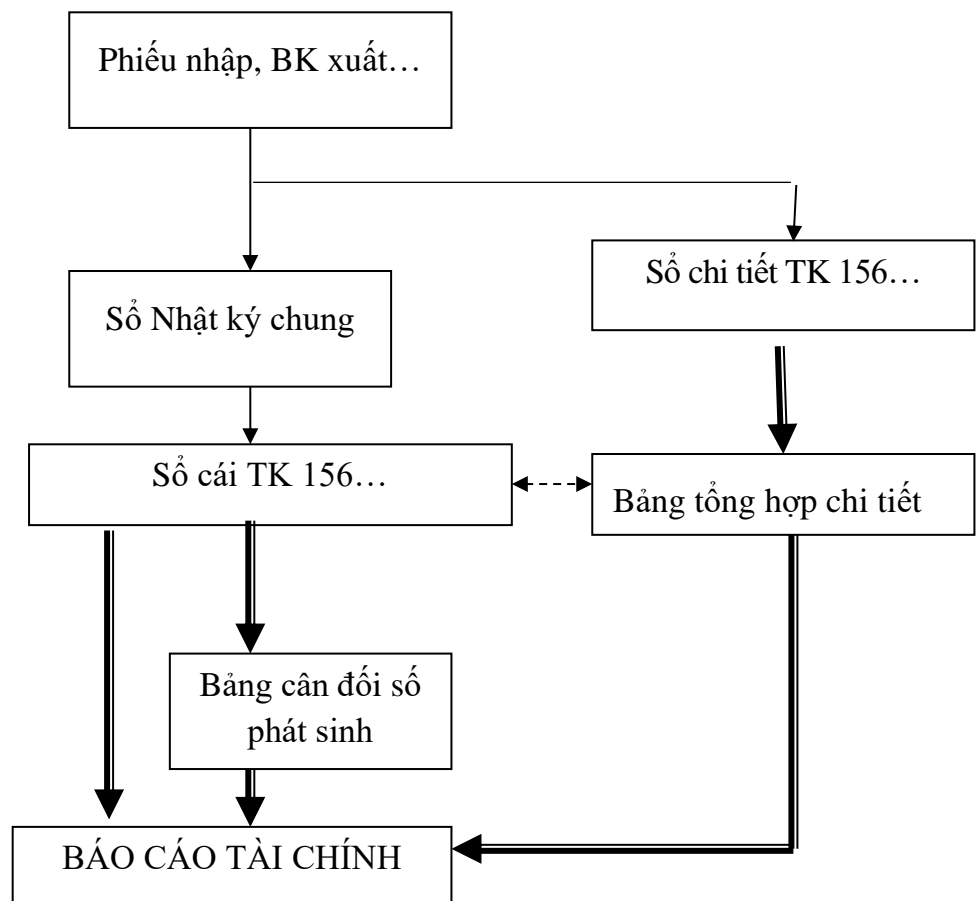
Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp hàng hóa, Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV đã sử dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho hàng hóa tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên, liên tục.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT ...

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 156: Hàng hóa
- TK liên quan: TK133, TK156, TK632.....



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp tại Công ty Cổ phần Bảo

Lâm DV

Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung vào Sổ cái theo tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

+ **Tiếp theo ví dụ 1:** Ngày 02/01/2018 Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV mua xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả theo hóa đơn số 0000011, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 81.000.000 đồng, bên bán giao tại kho cho công ty, Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi tại ngân hàng Vietcombank - Quảng Ninh.

Căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào nhật ký chung (Biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 156 (Biểu số 2.15), sổ cái TK 133, sổ cái TK112.

+ **Tiếp theo ví dụ 2:** Ngày 03/01/2018 Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV xuất bán xi măng cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà, giá chưa có thuế GTGT 10%: 54.600.000 đồng, Công ty chưa thu tiền.

Hàng ngày, khi xuất kho hàng hóa kế toán viết phiếu xuất kho chỉ ghi số lượng xi măng các loại bán cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà.

Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa để tính đơn giá bình quân cả kỳ rồi lập Bảng kê xuất kho hàng hóa BK01/01(Biểu số 2.17), BK02/01(Biểu số 2.18) ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng.

Căn cứ vào Bảng kê xuất kho hàng hóa BK01/01, BK02/01 kế toán ghi vào nhật ký chung (Biểu số 2.19). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 156 (Biểu số 2.20), sổ cái TK 632

Biểu số 2.17 Bảng kê xuất kho Xi măng Cẩm Phả PC tháng 01

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

BẢNG KÊ XUẤT HÀNG HÓA

Tháng 01 năm 2018
Tên quy cách hàng hóa: Xi măng Cẩm Phả PC
Số: 01/01

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng sử dụng-TK632	Ghi chú
SH	NT			
03/01	PX09	Xuất kho đem bán	450	
			
15/01	PX21	Xuất kho đem bán	120	
			
17/01	PX27	Xuất kho đem bán	145	
			
		Tổng số lượng xuất trong kỳ (bao)	3.420	
		Đơn giá xuất	67.520	
		Thành tiền xuất trong tháng	230.918.400	

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18 Bảng kê xuất kho Xi măng Cẩm Phả PCB40 tháng 01

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

BẢNG KÊ XUẤT HÀNG HÓA

Tháng 01 năm 2018
Tên quy cách hàng hóa: Xi măng Cẩm Phả PCB 40
Số: 02/01

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng sử dụng-TK632	Ghi chú
SH	NT			
03/01	PX09	Xuất kho đem bán	350	
			
15/01	PX21	Xuất kho đem bán	120	
			
17/01	PX27	Xuất kho đem bán	250	
			
		Tổng số lượng xuất trong kỳ (bao)	4.250	
		Đơn giá xuất	69.898	
		Thành tiền xuất trong tháng	297.066.500	

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 Trích Sổ Nhật Ký Chung tháng 01

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: B03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 01 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
02/01	HĐ11 PN04 BC04	02/01	Mua Xi măng của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả chưa thanh toán	156 133 112	81.000.000 8.100.000	89.100.000
...
03/01	HĐ104	03/01	Doanh thu bán xi măng cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà chưa thu tiền	131 511 333	60.060.000	54.600.000 5.460.000
...
07/01	HĐ21 PN18	07/01	Mua Xi măng của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả về nhập kho chưa thanh toán	156 133 331	104.500.000 10.450.000	114.950.000
...
18/01	HĐ126	18/01	Doanh thu bán xi măng cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà chưa thu tiền	131 511 333	38.005.000	34.550.000 3.455.000
...
28/01	HĐ137	28/01	Doanh thu bán xi măng cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà chưa thu tiền	131 511 333	18.150.000	16.500.000 1.650.000
...
31/01	BK01/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả PC tháng 01	632 156	230.918.400	230.918.400
31/01	BK02/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả PCB40 tháng 01	632 156	297.066.500	297.066.500
31/01	BK03/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả lò cao tháng 01	632 156	130.560.500	130.560.500
31/01	BK04/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả đa dụng tháng 01	632 156	94.062.500	94.062.500
...
			Cộng phát sinh tháng 01		19.479.889.730	19.479.889.730

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

Biểu số 2.20: Trích Sổ cái Tài khoản 156 tháng 01

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: B03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hàng hoá, Số hiệu tài khoản: 156
Tháng 01 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 01		1.891.882.540	
			Số phát sinh			
			...			
03/01	HĐ11 PN04	03/01	Mua Xi măng của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả chưa thanh toán	112	81.000.000	
			...			
07/01	HĐ21 PN18	07/01	Mua Xi măng của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả về nhập kho chưa thanh toán	331	104.500.000	
			...			
31/01	BK01/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả PC tháng 01	632		230.918.400
31/01	BK02/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả PCB40 tháng 01	632		297.066.500
31/01	BK03/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả lò cao tháng 01	632		130.560.500
31/01	BK04/01	31/01	Xuất bán xi măng Cẩm Phả đa dụng tháng 01	632		94.062.500
			...			
			Cộng phát sinh tháng 01		2.106.628.400	1.932.993.462
			Dư cuối tháng 01		2.065.517.478	

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV)

CHƯƠNG III**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ
TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LÂM DV****3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV**

Qua hơn 4 năm xây dựng và trưởng thành, cùng với sự lãnh đạo sáng suốt, Trên con đường hội nhập của một quốc gia đang trên đà phát triển, đặc biệt là sự đổi mới ngày càng mạnh mẽ trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có tính chuyên nghiệp cao và có sự thay đổi nhận thức rõ rệt, sáng tạo.

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV luôn tìm cách sáng tạo, đổi mới để theo kịp với những thách thức của thời đại, không ngừng cải tiến trong cách làm việc để đạt được những hiệu quả nhất định. Công ty luôn phát huy những thế mạnh của mình, tuyển chọn đào tạo người quản lý chuyên nghiệp, năng động, có năng lực trình độ để đảm bảo việc sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Công ty luôn chú trọng vào đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng và mở rộng hoạt động kinh doanh ngày càng lớn mạnh hơn.

Trong suốt thời gian vừa qua, sự mất cân bằng cung – cầu, lạm phát, sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty kinh doanh khiến cho công ty gặp ít nhiều những khó khăn và đứng trước những thách thức cam go. Song với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng nghỉ cùng tinh thần làm việc hăng say của một đội ngũ nhân lực dồi dào, làm việc chuyên nghiệp, công ty đã đứng vững và ngày càng lớn mạnh, dần khẳng định được vị thế và ảnh hưởng của mình trên thị trường.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận công tác kế toán thực tế tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV có những ưu, nhược điểm sau:

3.1.1 Ưu điểm

❖ *Tổ chức quản lý kinh doanh*

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng khá nhanh và ổn định tạo cơ hội to lớn để công ty mở rộng quy mô kinh doanh cũng như phạm vi hoạt động kinh doanh. Hiện nay nền kinh tế Việt Nam chính thức bước vào cánh cửa hội nhập đã tạo ra thế và lực cho các doanh nghiệp Việt Nam, tránh tình trạng bị phân biệt đối xử và được hưởng ưu đãi thương mại, mở ra cơ hội phát triển bền vững cho các doanh nghiệp với bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công công việc theo hướng chuyên môn hóa sẽ giảm áp lực cho lãnh đạo. Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến- chức năng có những ưu điểm sau:

- Cơ cấu chức năng phân chia các nhiệm vụ rất rõ ràng, thích hợp với những lĩnh vực cá nhân được đào tạo.
- Theo cơ cấu này, công việc được phân công hợp lý, phần lớn các nhân viên đều dễ dàng hiểu công việc của phòng ban mình và công việc của mình.
- Cơ cấu chức năng thực hiện chặt chẽ chế độ một thủ trưởng.
- Tổ chức theo cơ cấu này thì các phòng ban, bộ phận sẽ hoạt động độc lập với nhau, do đó sẽ không bị lặp lại công việc giữa các phòng ban làm cho công việc được hoàn thành nhanh nhất.
- Mỗi phòng ban sẽ đảm nhiệm riêng công việc của từng phòng nên khi phân công công việc không bị chồng chéo giữa các phòng ban với nhau, hiệu quả công việc được nâng cao.

❖ *Tổ chức công tác kế toán tại Công ty*

- Bộ máy kế toán: Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty.

- Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho... Những thông tin về các nghiệp vụ phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho công việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

- Hệ thống tài khoản: Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định Nhà Nước.

- Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty, giúp việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý công ty.

❖ Tổ chức kế toán hàng tồn kho nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

+ Về kế toán chi tiết hàng hóa.

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu.

Công ty áp dụng phương pháp này là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm, ngành nghề kinh doanh của công ty.

Trong công tác hạch toán chi tiết hàng hóa tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ.

Thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa thực tế trong kho về số lượng, phẩm chất và quy cách hàng hóa.

Kế toán theo dõi hàng hóa thông qua sổ sách và cụ thể là sổ chi tiết hàng hóa. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi

tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

+ Về kế toán tổng hợp hàng hóa:

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên tại bất cứ thời điểm nào cũng có thể tính được số lượng nhập xuất, tăng giảm của hàng hóa. Như vậy công ty có điều kiện để quản lý tốt hàng hóa và hạch toán chặt chẽ đúng theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

+ Về phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho:

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV tính trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Phương pháp này giúp cho công tác tính toán và ghi chép sổ sách kế toán được giảm nhẹ.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện. Nhược điểm chủ yếu của công ty trong công tác kế toán hàng hóa tại công ty:

❖ Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty là vẫn dùng excel hỗ trợ, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

❖ Về phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho:

Hiện nay, Công ty đang tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Phương pháp này có ưu điểm là tính toán đơn giản, gọn nhẹ, khối lượng ghi chép hàng ngày ít tuy nhiên do tính bình quân cho cả tháng nên độ chính xác lại không cao cũng như không phản ánh thường xuyên trị giá hàng hóa xuất kho trong tháng nên sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý hàng hóa của Công ty.

❖ Về công tác xây dựng hệ thống danh điểm hàng hóa:

Hiện nay, hàng hóa của công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng hàng hóa do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Do vậy công tác quản lý hàng hóa chưa đạt được kết quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các hàng hóa chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống hàng hóa được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán sau này.

❖ Về công tác kiểm kê hàng tồn kho:

Công tác kiểm kê hàng tồn kho tại Công ty chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm kê nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng hàng tồn kho để xử lý kịp thời.

3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV.

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán hàng hóa đã đạt được trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của tổ chức kế toán. Xuất phát từ những hạn chế này, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thêm tổ chức kế toán hàng hóa tại công ty.

❖ Ý kiến thứ nhất: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi chép sổ sách kế toán tại Công ty sẽ giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí và góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty. Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao tạo điều kiện cho công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán. Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của Nhà nước.

Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo tiếp cận với phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

Nếu công ty áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn, làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

Sau đây, em xin trình bày một số phần mềm kế toán thông dụng trên thị trường hiện nay như:

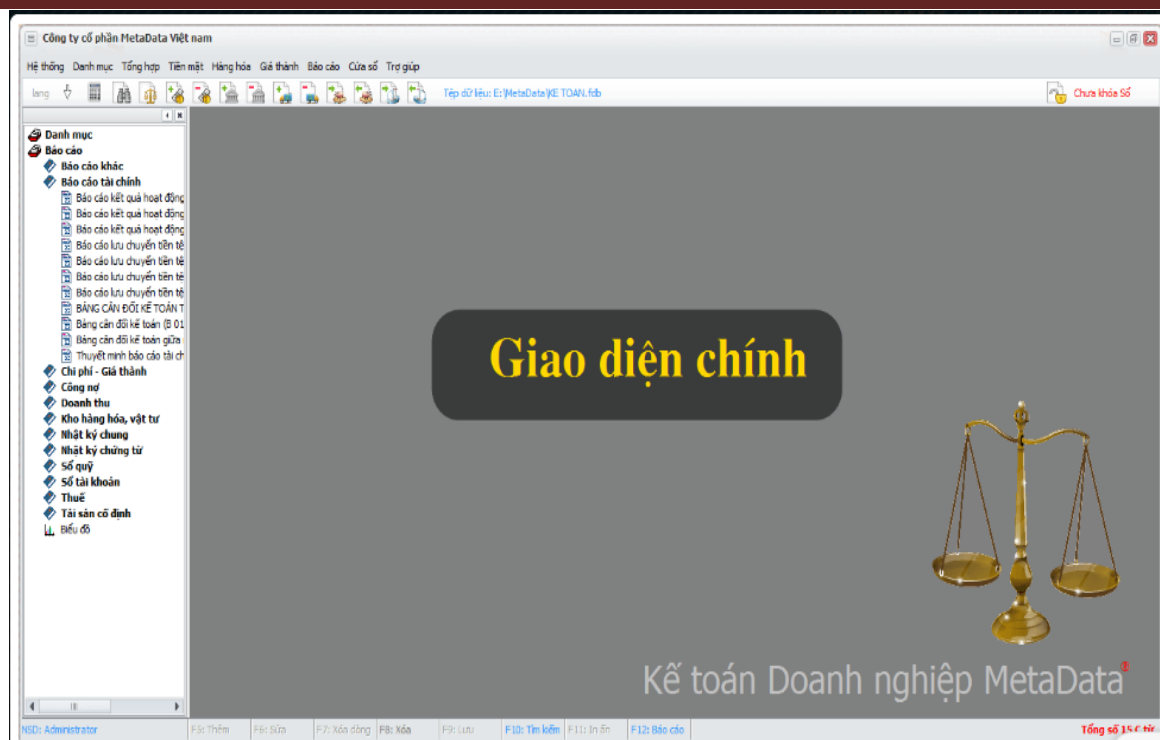
Phần mềm kế toán Metadata Accounting

Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phân hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí "Đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của Doanh nghiệp", MetaData được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác Kế toán tài chính - Quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các loại hình doanh nghiệp: Thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp ...

MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho nhà quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán, ... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

- Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh ...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

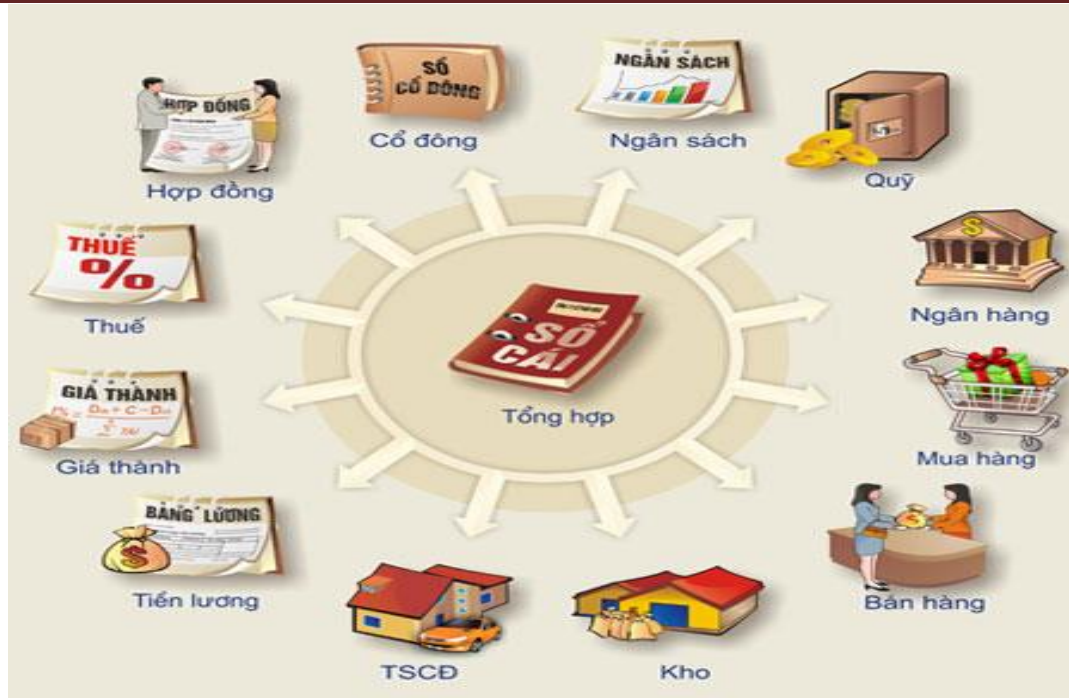
Giao diện của phần mềm kế toán Metadata Accounting



Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2018)

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018 được thiết kế dành cho các DN vừa và nhỏ, gồm 13 phân hệ nghiệp vụ: Ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tiếp, quản lý cổ đông, tự động cập nhập qua Internet....MISA SME.NET 2018 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp có thể dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ DN có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để ra quyết định đúng đắn kịp thời.

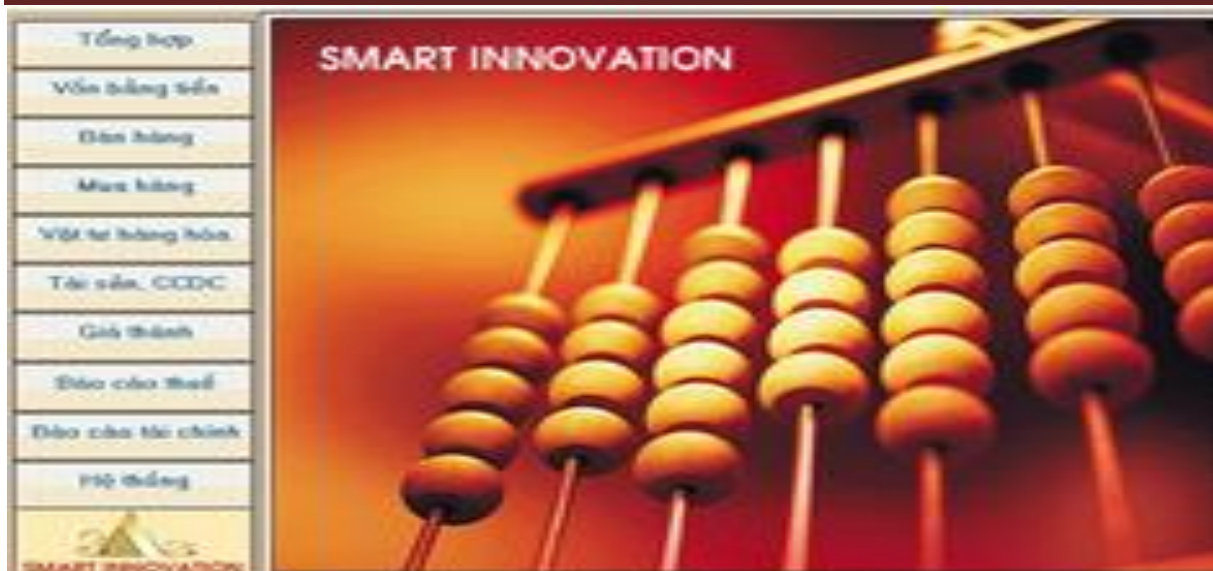
Đặc biệt, MISA SME.NET 2018 cho phép DN có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. Giao diện làm việc của MISA SME.NET 2018



Phần mềm kế toán SAS INNOVA (phiên bản 10.0)

SAS INNOVA 10.0 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam. được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài Chính. Với SAS INNOVA 10.0, DN chỉ cần cập nhập số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SAS INNOVA 10.0 là: Người sử dụng chỉ việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với những chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau với chức năng copy chứng từ), cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên hoá đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi tiền với hoá đơn mua hàng, đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán tài chính, các quy chế độ...

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm.



Phần mềm kế toán BRAVO

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của DN và các quy định của Bộ Tài Chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam, phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong DN được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu vào và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giao diện của phần mềm kế toán BRAVO



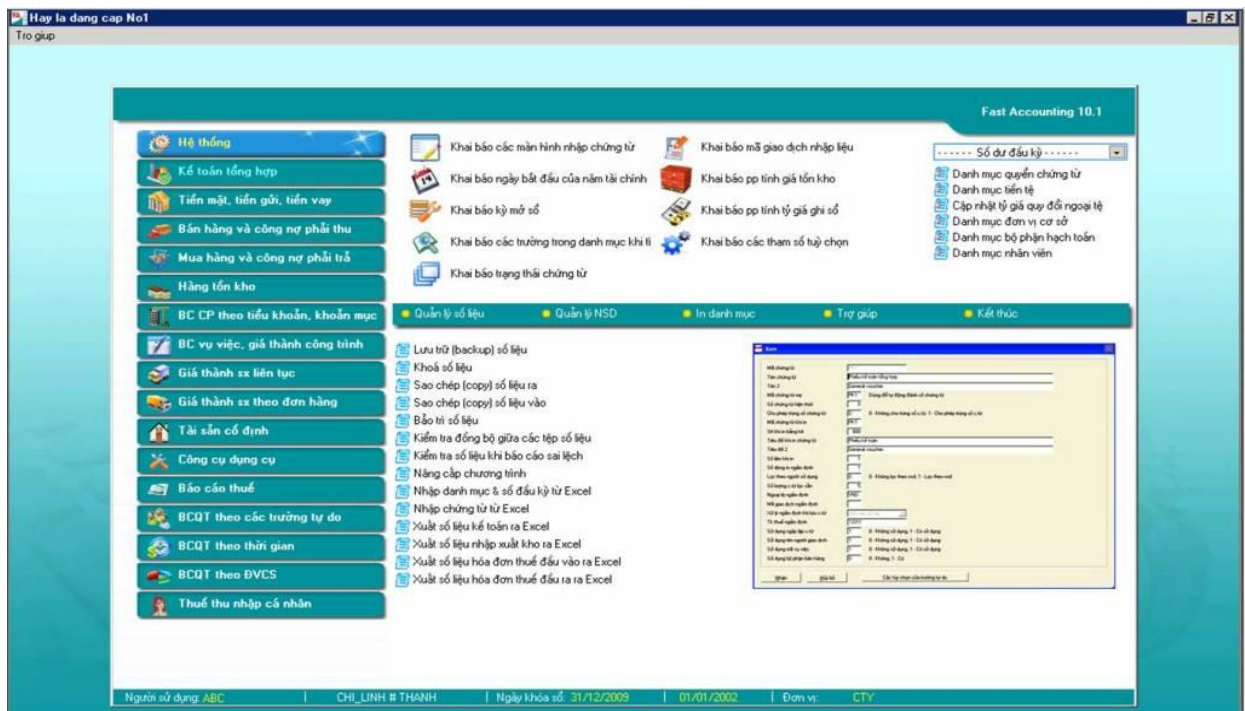
Phần mềm kế toán FAST

- Fast Accounting (phiên bản 9.5) mang những tính năng nổi bật như: Có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hoá xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá tuỳ theo sản phẩm...)

quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đng nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Việt và Anh... Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các DN sử dụng nhiều nhất.

- Fast Bussiness (phiên bản 9.8): Được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là DN lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện DN với 5 module: Tài chính kế toán, quản lý chi phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, quản lý mối quan hệ khách hàng.

- Fast Financial: Là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast Accounting và Fast Business, hướng tới DN vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: Cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với DN có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng. Giao diện của phần mềm kế toán FAST:



Ý kiến thứ hai: Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm hàng hóa

Đề lập sổ danh điểm hàng hóa, điều quan trọng nhất là Công ty phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính xác, đầy đủ không trùng lặp. Công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

Sổ danh điểm hàng hóa sẽ thống nhất tên gọi, mã, đơn vị tính của từng loại hàng hóa.

Khi đánh số danh điểm hàng hóa cho từng loại ta kế thừa TK cấp 2: 1561 - giá mua, TK 1562 – chi phí mua

Tiếp đó kế toán lại mở chi tiết cấp 3 cho từng nhóm hàng hóa. Trong các nhóm hàng hóa đó lại tiếp tục đánh 01, 02, 03... cho từng loại hàng hóa, sau đó lại đánh 01, 02,... cho từng thứ hàng hóa. Sổ danh điểm có thể được xây dựng theo mẫu sau: Biểu số 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa

SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA

Kho	Danh điểm hàng hóa		Tên hàng hóa	ĐVT	Ghi chú
	Công ty	Nhóm			
156.1			Hàng hóa		
	156.1.01		Xi măng	Bao	
		156.1.01.01	Xi măng Cẩm Phả PC	Bao	
		156.1.01.02	Xi măng Cẩm Phả PCB 40	Bao	
		156.1.01.03	Xi măng Cẩm Phả lò cao	Bao	
		156.1.01.04	Xi măng Cẩm Phả đa dụng	Bao	
			...		
	156.1.02		Thép	kg	
		156.1.02.01	Thép Pomina phi 10	kg	
		156.1.02.02	Thép Pomina phi 12	kg	
		156.1.02.03	Thép Pomina phi 14	kg	
		156.1.02.04	Thép Pomina phi 16	kg	
		156.1.02.05	Thép Pomina phi 18	kg	
		156.1.02.06	Thép Pomina phi 20	kg	
		156.1.02.07	Thép Pomina phi 22	kg	
			...		
	156.1.03	156.1.03.01	Đá 1x2	m ³	
		156.1.03.02	Đá 3x3	m ³	
		156.1.03.03	Đá 4x6	m ³	
			...		

Xây dựng sổ danh điểm hàng hóa, giúp Công ty quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho

và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn kho. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Ý kiến thứ 3: Hoàn thiện phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho.

Áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn sẽ giúp công ty tính giá trị hàng hóa xuất kho tại bất kỳ thời điểm nào trong tháng. Phương pháp này sẽ giúp cho công ty khắc phục được những hạn chế so với việc sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ đó là: theo dõi kịp thời tình hình biến động của hàng hóa phát sinh trong tháng.

Khối lượng tính toán và ghi chép của phương pháp này tăng lên nhưng sẽ được khắc phục do công ty sử dụng hình thức kế toán máy vào công tác kế toán.

Công thức tính theo phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại hàng hóa xuất kho}$$

+ **Ví dụ:** Ngày 03/01/2018 Công ty xuất bán xi măng Cẩm Phả cho Công ty Cung ứng Vật tư Hải Hà, chưa thu tiền.

• **Theo phương pháp bình quân liên hoàn**

Giá xuất kho của Xi Măng Cẩm Phả PC tính ngày 03 tháng 1 năm 2018 như sau:

Số lượng tồn đầu tháng: 640 bao, Trị giá tồn đầu tháng 41.600.000 đồng.

Nhập ngày 02/01: 400 bao, tổng tiền là 27.200.000 đồng

$$\text{Đơn giá xuất XM PC ngày 03/1/2018} = \frac{41.600.000 + 27.200.000}{640 + 400} = 66.154 \text{ đồng/bao}$$

⇒ Đơn giá xuất Xi Măng PC xấp xỉ = 66.154 đồng/bao.

⇒ Vậy trị giá 450 bao xi măng Cẩm Phả PC xuất ngày 03/1/2018 là:

$$450 \times 66.154 = 29.769.300 \text{ đồng.}$$

Biểu số 3.2 Sổ chi tiết hàng hóa Xi măng Cẩm Phả PC

Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV
Tổ 5, Khu 4C, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số; S07 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 01/2018

Tài khoản: 156- Hàng hóa

Tên, quy cách nguyên vật, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng Cẩm phả PC,

Đơn vị tính: kg

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			<u>Tồn đầu tháng 01</u>		<u>65.000</u>					<u>640</u>	<u>41.600.000</u>
02/01	PN04	02/01	Nhập kho Xi măng PC	112	68.000	400	27.200.000			1.040	68.800.000
03/01	PX09	03/01	Xuất kho Xi măng PC	632	66.154			450	29.769.300	590	40.030.700
			...								
			<u>Công</u>			<u>3.360</u>	<u>228.480.000</u>	<u>3.420</u>	<u>2340.918.400</u>		
			<u>Tồn cuối tháng 01</u>		<u>67.520</u>					<u>580</u>	<u>39.161.600</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Ý kiến thứ tư: Hoàn thiện công tác kiểm kê hàng hóa

+ Doanh nghiệp nên hoàn thiện công tác kiểm kê kho, tiến hành kiểm kê thường xuyên hàng tháng hoặc hàng quý để kịp thời phát hiện những loại hàng hóa bị thiếu hụt hay còn dư thừa, ít xuất bán để từ đó có những biện pháp xử lý kịp thời cũng như đề ra các biện pháp khắc phục và những sự quyết định thu mua, xuất bán hàng hóa. Công tác kiểm kê thường sử dụng thước đo hiện vật để đo lường cũng như đo, đếm tại chỗ. Khi phát hiện thừa, thiếu hàng hóa tại kho, kế toán phải xác định nguyên nhân và ghi sổ kế toán.

+ Vì doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa nên công ty cần chú trọng vào việc kiểm tra hàng hóa trong kho tránh được những thất thoát, mất mát hàng hóa. Hơn nữa việc kiểm kê thường xuyên giúp doanh nghiệp phát hiện và xử lý kịp thời khi bị mất hay hư hỏng hàng hóa. Trên thực tế đến cuối năm doanh nghiệp mới tiến hành công tác kiểm kê hàng hóa trong kho, như vậy nếu có những hàng hóa bị hư hỏng trong quá trình lưu trữ thì doanh nghiệp sẽ không kịp thời xử lý dẫn đến những tổn thất kinh tế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

+ Việc kiểm tra kho định kỳ nên được thực hiện 3 tháng một lần hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất nhằm mục đích: xác nhận số lượng (phù hợp với hồ sơ hàng hóa), chất lượng (nhận biết, hư hại, suy giảm chất lượng, bao gói) hay phát hiện kịp thời những mặt hàng lỗi. Kết quả kiểm tra phải được ghi lại trong biên bản kiểm kho. Mọi hàng hóa không phù hợp được phát hiện phải được cách ly, đánh dấu và chờ ý kiến xử lý của Giám đốc.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, việc tổ chức công tác kế toán hàng hóa đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ đánh giá được hiệu quả kinh doanh của đơn vị. Từ đó, những nhà quản lý doanh nghiệp có biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng kinh doanh. Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV, em nhận thấy rằng công tác kế toán hàng hóa đã được quan tâm thích đáng. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn công tác kế toán hàng hóa công ty cần tiếp tục phát huy những mặt tích cực đã đạt được và cố gắng khắc phục những mặt hạn chế còn tồn tại.

Như vậy, khóa luận với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận vấn đề: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT số 133/2016/TT-BTC.

- Về thực tế: Đã phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV và đã chứng minh bằng số liệu tháng 01 năm 2018 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV, khóa luận đưa ra những nhược điểm và đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty như: Giải pháp hiện đại hóa công tác kế toán, thay đổi phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho, Lập sổ danh điểm hàng hóa và hoàn thiện công tác kiểm kê hàng hóa.

Do nội dung của đề tài khóa luận rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn, với trình độ còn có hạn, thời gian thực tập tại công ty không dài, bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em đầy đủ và hoàn thiện.

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 1 năm 2020

Sinh viên

Phan Duy Tùng

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
2. Công ty Cổ phần Bảo Lâm DV (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
3. Các tài liệu khác trên mạng internet.